

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY
BỘ MÔN LỊCH SỬ



KIẾN THỨC CƠ BẢN
LỊCH SỬ 12

Họ tên:

Lớp :

Tài liệu lưu hành nội bộ

BÀI 8

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

A. LÝ THUYẾT

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

a. Thế giới:

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh.
- Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ phát triển mạnh.
- Cuộc chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông – Tây tiếp tục diễn ra ngày càng căng thẳng. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp.

b. Trong nước:

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền:
 - + Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội.
 - + Miền Nam Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

a. Giai đoạn 1954 – 1960:

*** Miền Bắc:**

- Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội.
- Thành tựu đạt được tạo tiền đề để miền Bắc phát triển trong giai đoạn tiếp theo, đưa miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước.

*** Miền Nam:**

- Đấu tranh chính trị chống Mỹ – Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng khởi.
- Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam (1959) để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đứng lên khởi nghĩa.
- Thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959-1960) đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960).

b. Giai đoạn 1961 – 1965:

*** Miền Bắc:**

- Miền Bắc tiến hành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) với nhiệm vụ cơ bản là ra sức phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân,...
- Thành tựu đạt được làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

*** Miền Nam:** chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) do Mỹ và chính quyền Sài Gòn triển khai.

“Chiến tranh đặc biệt” là một loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, phương tiện chiến

tranh của Mỹ. Âm mưu cơ bản “dùng người Việt đánh người Việt”, tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”, sử dụng chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.

- *Trên mặt trận chính trị*, phong trào diễn ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.

- *Trên mặt trận chống bình định*, nhân dân miền Nam đã làm phá sản quốc sách “ấp chiến lược” của Mỹ – chính quyền Sài Gòn.

- *Trên mặt trận quân sự*: thắng lợi trận Ấp Bắc (1963) bước đầu đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận, thiết xa vận”, mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Sau chiến thắng Ấp Bắc, phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” đẩy lên khắp miền Nam.

+ Trong những năm 1964 – 1965, những thắng lợi ở Bình Giả, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

c. Giai đoạn 1965 – 1968:

*** Miền Bắc:**

- Sau khi dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” (8 – 1964), Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (2 – 1965).

- Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và thực hiện nhiệm vụ hậu phương cho tiền tuyến miền Nam.

*** Miền Nam:** chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

“Chiến tranh cục bộ” là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân Mỹ, quân một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Mỹ mở nhiều cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào căn cứ quân Giải phóng ở miền Nam.

- *Trên mặt trận chính trị*, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã phá vỡ thêm nhiều “ấp chiến lược”. Ở các thành thị, phong trào phản đối chiến tranh của quần chúng diễn ra rất sôi nổi.

- *Trên mặt trận quân sự*, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi ở Vạn Tường (tháng 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Tiếp tục đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 – 1966 và 1966 – 1967) của Mỹ.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam xuân Mậu Thân năm 1968, trọng tâm là ở các đô thị đã làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

d. Giai đoạn 1969 – 1973:

*** Miền Bắc:**

- Tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục làm nghĩa vụ hậu phương và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.

- Chủ động, kịp thời đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972). Thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).

*** Miền Nam:** chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ.

- Sau thất bại của “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần của Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy.

- Thủ đoạn:

+ Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn thực hiện bình định nông thôn miền Nam; Sử dụng quân đội Sài Gòn mở rộng chiến tranh sang Campuchia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971).

+ Tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô, nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với nhân dân Việt Nam.

- *Trên mặt trận chính trị:*

+ Ngày 6 – 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời. Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam.

+ Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương (tháng 4-1970) quyết tâm đoàn kết chống Mỹ.

- *Trên mặt trận quân sự:*

+ Năm 1970, quân đội ta phối hợp với quân dân Campuchia, đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mỹ và ngụy Sài Gòn.

- Năm 1971, bộ đội Việt Nam phối hợp với quân dân Lào, đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn-719” của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.

+ Xuân- hè 1972, quân đội Việt Nam mở cuộc Tiến công chiến lược vào ba phòng tuyến của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Buộc Mỹ tuyên bố “ Mỹ hóa” trở lại, tức thừa nhận thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

- *Trên mặt trận ngoại giao:* Cuộc đàm phán ở Pa-ri (1969-1973) kết thúc thắng lợi.

Ngày 27-01-1973: Hiệp định Pa-ri kí kết, Mỹ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Mở ra thời cơ thuận lợi để ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

e. Giai đoạn 1973 – 1975:

*** Miền Bắc:**

Sau khi Hiệp định Pa-ri năm 1973, Mỹ phải rút hết quân về nước. Nhân dân miền Bắc nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam.

*** Miền Nam:**

- Mỹ vẫn giữ lại hàng vạn “cố vấn” quân sự, tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn mở các cuộc “ bình định- lấn chiếm”, ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri.

- Thực hiện nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21(1973), tiếp tục con đường bạo lực cách mạng. Quân dân miền Nam kiên quyết đấu tranh bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng.

- Chiến thắng Đường 14- Phước Long(1-1975), cho thấy khả năng thắng lớn của ta, sự suy yếu của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại của Mỹ hạn chế.

- Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trải qua ba chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh.

+ 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh . Ngày 02/5/1975 toàn bộ miền Nam được giải phóng, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

a. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo.
- Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm tạo nên sức mạnh để chiến thắng.
- Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.
- Sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới.

b. Ý nghĩa lịch sử

*** Đối với Việt Nam:**

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước Việt Nam.
- Hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước; mở ra kỉ nguyên cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

*** Đối với quốc tế:**

- Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới.
- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ la tinh.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Từ 1954 đến 1956, miền Bắc thực hiện cải cách ruộng đất với mục tiêu nào sau đây?

- A. Người cày có ruộng.
- B. Đánh đuổi đế quốc.
- C. Công bằng và dân chủ.
- D. Thống nhất đất nước.

Câu 2. Trong giai đoạn từ 1954 đến 1959, mục tiêu đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam là

- A. đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- B. xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang.
- C. chuẩn bị tổ chức các cuộc phản công quân sự.
- D. xây dựng các căn cứ địa ở nông thôn, rừng núi.

Câu 3. Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam (1959) đã quyết định

- A. tiến hành chiến tranh du kích, xây dựng các căn cứ địa.
- B. phát lệnh tổng khởi nghĩa tiến công trên toàn miền Nam.
- C. để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực khởi nghĩa.
- D. cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.

Câu 4. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 1960) ở miền Nam Việt Nam?

- A. Lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
- B. Đánh bại "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.
- C. Bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.
- D. Cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công.

Câu 5. Từ năm 1961 - 1965, Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh đặc biệt.

B. Chiến tranh cục bộ

C. Chiến tranh đơn phương.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 6. Âm mưu cơ bản của Mỹ trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là

A. dùng người Việt đánh người Việt.

B. giành lại quyền chủ động đã bị mất.

C. dùng chiến tranh nuôi chiến tranh.

D. ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc.

Câu 7. Một trong những thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ (1961 - 1965) là

A. Núi Thành.

C. Vạn Tường.

B. Đồng Xoài.

D. Đồng khởi.

Câu 8. Một trong những thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965 - 1968) là

A. Đồng Xoài.

B. Vạn Tường.

C. Trung Lào.

D. Bình Giã

Câu 9. Chiến thuật nào sau đây được Mỹ sử dụng trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam (1965 - 1968)?

A. Tìm diệt và bình định.

C. Chiến tranh tổng lực.

B. Đánh chắc tiến chắc.

D. Bình định lấn chiếm.

Câu 10. Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của quân dân miền Nam, ba mũi giáp công là

A. quân sự, chính trị, ngoại giao.

C. quân sự, văn hóa và giáo dục.

B. quân sự, chính trị và bình vận.

D. tư tưởng, văn hóa và kinh tế.

Câu 11. Sau thất bại của chiến lược chiến tranh cục bộ (1965 - 1968), Mỹ đã làm gì để tiếp tục thực hiện âm mưu biến miền Nam thành căn cứ quân sự, thuộc địa kiểu mới?

A. Gây cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần ba.

B. Tuyên bố "Mỹ hóa trở lại" chiến tranh xâm lược.

C. Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

Câu 12. Thực chất của các "ấp chiến lược" mà Mỹ và tay sai lập ra ở miền Nam là

A. chiến thuật mới của Mỹ.

C. vùng căn cứ biệt kích.

B. trại tập trung trá hình.

D. hậu phương kháng chiến.

Câu 13. Một trong những thắng lợi của quân dân miền Nam đã đánh bại chiến thuật "trục thẳng vận, thiết xa vận" của Mỹ và tay sai?

A. Bình Giã.

B. Đồng Khê.

C. Cao Bằng.

D. Phước Long.

Câu 14. Thắng lợi nào sau đây chứng tỏ khả năng đánh bại chiến tranh cục bộ (1965- 1968) của quân và dân miền Nam?

A. Đồng Xoài.

B. Vạn Tường.

C. Trung Lào.

D. Bình Giã.

Câu 15. Sau thất bại trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân miền Nam, Mỹ phải “Mỹ hóa trở lại” chiến tranh có nghĩa là

A. chống phá kế hoạch lập Liên bang Đông Dương.

B. đã thể hiện quyết tâm đánh bại quân giải phóng.

C. sẽ sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng chính.

D. thừa nhận sự thất bại của Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 26. Một trong những âm mưu của Mỹ khi sử dụng B52 đánh phá Hà Nội và các thành phố lớn ở Việt Nam cuối năm 1972 là

A. buộc ký Hiệp định Pa-ris theo hướng có lợi cho Mỹ.

- B. đem được tất cả các phi công bị bắt trở về nước Mỹ.
- C. chi viện và cứu nguy cho mặt trận B3-Tây Nguyên.
- D. không chế, hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên biển.

Câu 17. Thắng lợi nào sau đây của quân và dân miền Nam là cơ sở để Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương giải phóng miền Nam?

- A. Mậu Thân. B. Vạn Tường. C. Núi Thành. D. Phước Long.

Câu 18. Mỹ giữ lại hàng vạn cô vẫn ở miền Nam, tăng cường viện trợ cho chính quyền Sài Gòn, thực chất của các hành động này là

- A. tiếp tục Việt Nam hóa chiến tranh. C. thừa nhận sự thất bại ở Việt Nam.
- B. đã góp phần xây dựng miền Nam. D. từ bỏ chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 19. Thủ đoạn mới được Mỹ sử dụng trong chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973) là

- A. trực thăng vận và thiết xa vận. C. xây dựng nhiều "ấp chiến lược".
- B. tiến hành thỏa hiệp với Trung Quốc. D. đã đưa quân Mỹ vào chiến đấu.

Câu 20. Một trong những âm mưu của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá miền Bắc lần thứ nhất từ 1965-1968 là

- A. buộc quân dân miền Bắc đầu hàng không điều kiện.
- B. không chế, hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên biển.
- C. ngăn chặn chi viện từ miền Bắc vào miền Nam.
- D. buộc Việt Nam ký hiệp định theo hướng có lợi cho Mỹ.

Câu 21. Một trong những âm mưu của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá miền Bắc lần thứ hai (1972) là

- A. buộc quân dân Việt Nam đầu hàng không điều kiện.
- B. không chế và hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên bộ.
- C. cứu nguy cho quân đội Sài Gòn đang sắp bị tiêu diệt.
- D. buộc Việt Nam ký hiệp định theo hướng có lợi cho Mỹ.

Câu 22. Thủ đoạn mới được Mỹ thực hiện trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là

- A. tăng nhanh quân đội Sài Gòn.
- B. rút hết quân Mỹ về nước
- C. mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam.
- D. cô lập Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 23. Tháng 4-1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam-Lào-Campuchia đã xác định kẻ thù chung của nhân dân Đông Dương là

- A. phát xít Italia. B. thực dân Hà Lan. C. phát xít Đức. D. đế quốc Mỹ.

Câu 24. Thắng lợi quân sự nào của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố "Mỹ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Cuộc Tấn công Xuân Mậu Thân 1968. B. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Trận "Điện Biên Phủ trên không" 1972. D. Chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.

Câu 25. Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari bằng việc tiến hành chiến dịch

- A. "tràn ngập lãnh thổ". B. "tổ cộng diệt cộng"
- C. "Tìm diệt và bình định" D. "Việt Nam hóa chiến tranh".

Câu 26. Chiến thắng của chiến dịch quân sự nào chứng tỏ sự trưởng thành của quân ta, sự suy yếu của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại rất hạn chế của Mỹ?

- A. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- C. Chiến dịch Tây Nguyên.
- D. Chiến dịch đường 14- Phước Long.

Câu 27. Tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của miền Nam là

- A. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ bằng con đường bạo lực cách mạng.
- B. đấu tranh để Mỹ-Ngụy thực thi Hiệp định Pari.
- C. thống nhất đất nước, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- D. tiếp tục đấu tranh chính trị, ngoại giao để thống nhất đất nước.

Câu 28. Sự kiện lịch sử diễn ra lúc 11h30 phút ngày 30 – 04 – 1975 ở miền Nam Việt Nam là

- A. lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.
- B. quân ta nổ súng bắt đầu mở chiến dịch Hồ Chí Minh.
- C. xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.
- D. tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.

Câu 29. Toàn bộ miền Nam hoàn toàn được giải phóng vào ngày nào?

- A. 30-4-1975.
- B. 2-5-1976.
- C. 2-5-1975.
- D. 30-4-1976.

Câu 30. Chiến dịch nào đã kết thúc thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở miền Nam Việt Nam?

- A. Huế - Đà Nẵng.
- B. Đường 14 - Phước Long.
- C. Hồ Chí Minh.
- D. Tây Nguyên.

Câu 31. Chiến thắng nào của quân và dân Việt Nam thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Ngụy nhào”?

- A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975
- C. Hiệp định Pari được kí kết năm 1973.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 32. Một trong những điểm tương đồng của chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) và “Điện Biên Phủ trên không” (1972) về tác động đến mặt trận ngoại giao là

- A. góp phần quyết định thắng lợi trên bàn đàm phán.
- B. buộc kẻ thù phải thừa nhận xâm lược và rút quân.
- C. giành ưu thế ngoại giao cho phe xã hội chủ nghĩa.
- D. buộc Mỹ rút hết quân xâm lược và tay sai về nước.

Câu 33. Một trong những điểm giống nhau của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

- A. huy động tối đa lực lượng.
- B. phương châm chiến dịch.
- C. phương thức để chiến đấu.
- D. sự phối hợp của không quân.

Câu 34. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) vẫn còn nguyên giá trị đối với hôm nay

- A. kiên quyết sử dụng bạo lực giải quyết tranh chấp.
- B. kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ cách mạng mới.
- D. tranh thủ tối đa sự viện trợ từ các nước đồng minh.

Câu 35. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) vẫn còn nguyên giá trị đối với hôm nay

- A. thực hiện thế trận chiến tranh nhân dân. B. xây dựng liên minh quân sự với Ấn Độ.
C. gia nhập vào các khối liên minh quân sự. D. liên kết chặt chẽ với các nước Đông Âu.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuối chiều 02 - 11-1965, No-man Mo-ri-xon bé bé É-mi-lí mới mười tám tháng tuổi đến sát Lầu Năm góc, trụ sở của Bộ Quốc phòng Mỹ, bên dòng sông Pô-tô-mác. Mo-ri-xon để cháu É-mi-li ra xa rồi tưới xăng, châm lửa tự thiêu, ánh lửa bùng lên như một thông điệp của người dân Mỹ đòi chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.”

(SGK Lịch sử 12- CTST, trang 54).

- a) Tư liệu trên nói về cuộc đấu tranh để “phản đối chiến tranh Việt Nam” của người dân Mỹ.
- b) Hành động của Mo-ri-xon nhằm đòi Mỹ chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- c) Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam được tất cả mọi người Mỹ ủng hộ.
- d) Sự ủng hộ của nhân dân Mỹ là yếu tố quyết định khiến Mỹ phải rút quân khỏi Việt Nam.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc. ” (SGK Lịch sử 12- CTST, trang 55)

- a) Tư liệu trên nói về ý nghĩa của chiến tranh giải phóng và bảo vệ tổ quốc thế kỷ XX.
- b) Chiến thắng của Việt Nam chống Pháp và Mỹ đã đóng góp vào phong trào giải phóng dân tộc.
- c) Chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã đưa đến sự thống nhất Việt Nam.
- d) Việt Nam thế kỷ XX được coi là ngọn cờ đầu cho phong trào giải phóng dân tộc châu Á.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ sáng tạo, tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là nhờ truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất kiên cường, đoàn kết một lòng của nhân dân trên cả hai miền Nam - Bắc

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi là do có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến ở cả hai miền, quân đội nhân dân Việt Nam trưởng thành và phát huy nghệ thuật quân sự của cha ông trong kháng chiến cứu nước.” (SGK Lịch sử 12- CTST, trang 54)

- a) Tư liệu nói về những nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- b) Hậu phương miền Bắc đóng vai trò quyết định trực tiếp đến thắng lợi của kháng chiến.
- c) Tư liệu trên đã đề cập đầy đủ nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- d) Lực lượng vũ trang ba thứ quân đóng vai trò nòng cốt trong kháng chiến chống Mỹ.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở miền Nam, Mỹ giữ lại hàng vạn cố vấn quân sự và tiếp tục viện trợ cho Chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ, liên tiếp mở các cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm” vùng giải phóng của ta. Thực chất là tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến

tranh", phá hoại Hiệp định Pa-ri. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng Lao động Việt Nam, từ cuối năm 1973, quân dân miền Nam kiên quyết đầu tranh chống bình định lẫn chiếm, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng. Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở chiến dịch Đường 14 - Phước Long. Chiến thắng Phước Long (1 - 1975) cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân Giải phóng, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ CTST, trang 52).

- a) Sau Hiệp định Pa-ri, Mỹ và tay sai đã tiếp tục chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".
- b) Nghị Quyết 21 quyết định tiếp tục sử dụng bạo lực cách mạng để chống Mỹ và tay sai.
- c) Chiến dịch Phước Long được coi như trận thử nghiệm chiến lược để giải phóng miền Nam.
- d) Sau trận Phước Long, Đảng quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tuyến đường Trường Sơn không chỉ trên đất Việt Nam, mà còn đi trên đất Lào và Cam-pu-chia, được nhân dân hai nước hết lòng giúp đỡ mọi mặt cho bộ đội Việt Nam. Tuyến đường vượt tới đâu, bộ đội Việt Nam cũng với quân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia hăng hái cùng chung, xây phối hợp chiến đấu chống Lào Cam-pu-chia." đáp tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt Việt Nam

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ CTST, trang 51).

- a) Tư liệu trên nói về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương.
- b) Tư liệu nói về tinh thần đoàn kết chiến đấu chống thù chung của ba nước Đông Dương.
- c) Tuyến đường Trường Sơn đã trở thành biểu tượng cho tinh thần đoàn kết chiến đấu đó.
- d) Việt Nam đã cử quân đội sang chiến đấu và giải phóng hoàn toàn Lào và Cam-pu-chia.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Cuối năm 1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 - 12 - 1972) nhằm giành một thắng lợi quân sự quyết định buộc ta ký một hiệp định có lợi cho Mỹ. Quân và dân miền Bắc đã đánh trả không quân Mỹ những đòn địch đáng, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng đường không bằng B52 của Mỹ, thắng lợi này được coi như trận "Điện Biên Phủ trên không". Trận "Điện Biên Phủ trên không" là thắng lợi quyết định của ta, buộc Mỹ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và ký Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam." (SGK-CTST Lịch sử 12, trang 51).

- a) Chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" diễn ra trên bầu trời Điện Biên Phủ.
- b) Với chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không", ta buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri.
- c) Chiến dịch ném bom 12 ngày đêm của Mỹ đã buộc Việt Nam xuống thang chiến tranh.
- d) Chiến dịch ném bom này là biểu hiện của sự "Mỹ hóa trở lại" chiến tranh Việt Nam.

BÀI 9

ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY.

A. LÝ THUYẾT

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay.

- Sau tháng 4-1975, Việt Nam bước vào thời kì độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Hậu quả 30 năm chiến tranh (chống Pháp, chống Mỹ) trên cả nước vẫn còn nặng nề.
- Việt Nam bị Mỹ cấm vận, quan hệ Việt Nam- Trung Quốc, Việt Nam- Campuchia có dấu hiệu bất ổn.
- Thế giới đang trong xu thế hòa hoãn Đông- Tây, các nước trên thế giới có nhiều thay đổi, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn xảy ra nhiều nơi.

2. Diễn biến chính các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay.

a. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam (1975 - 1979).

** Bối cảnh*

- Sau khi lên nắm quyền ở Campuchia (4-1975) chính quyền Pôn Pốt (Khơ-me Đỏ) đã có nhiều hoạt động khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam.

** Diễn biến chính*

Thời gian	Nội dung chính
Từ sau ngày 30-4-1975 đến tháng 4-1977	Quân Pôn Pốt liên tục khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam, gây xung đột biên giới
Đêm 30-4-1977	Quân Pôn Pốt tấn công và gây ra các vụ thảm sát ở Ba Chúc (An Giang), Tân Lập (Tây Ninh)... Quân và dân ta đánh đuổi quân xâm lấn, bảo vệ nhân dân, bảo vệ biên giới.
Cuối tháng 12-1978	Khơ-me đỏ huy động 19 sư đoàn tấn công xâm lược toàn bộ tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam. Quân và dân ta mở cuộc phản công tiêu diệt và quét sạch quân xâm lược ra khỏi nước ta.
Đầu năm 1979	Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với quân dân Campuchia chiến đấu, lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ, giải phóng Thủ đô Phnôm Pênh (07-01-1979)

b. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 - 1989)

** Bối cảnh*

- Từ giữa năm 1975, quan hệ Việt Nam- Trung Quốc trở nên căng thẳng. Sau đó, Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kĩ thuật, gây ra vấn đề người Hoa ở Việt Nam, khiêu khích xâm phạm biên giới...

** Diễn biến chính*

Thời gian	Nội dung chính
Ngày 17-02-1979	Trung Quốc huy động 32 sư đoàn (60 vạn quân) tiến công sang 6 tỉnh biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).
Ngày 05-03-1979	Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối dư luận quốc tế, Trung Quốc tuyên bố rút quân
Từ 1979 -1989	Tình hình tuyến biên giới phía Bắc nước ta vẫn tiếp tục căng thẳng, đặc biệt là ở Vị Xuyên (Hà Giang).

c. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông.

*** Bối cảnh**

- Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đồng thời thực thi có hiệu quả cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông từ sau 1975 đến nay.

*** Diễn biến chính**

Lĩnh vực	Nội dung chính
Luật pháp- Hành chính	- Năm 1977, Việt Nam ra <i>Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền và thềm lục địa Việt Nam</i>. - Năm 1982, Việt Nam thành lập 2 huyện đảo Hoàng Sa (thuộc Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (thuộc Khánh Hòa) - Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn <i>Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982</i> - Năm 2012, Thông qua <i>Luật biển Việt Nam</i> - Trong các năm 1979, 1981, 1988, Việt Nam liên tục công bố <i>Sách trắng</i> khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam. - Hiện nay, Việt Nam đang tích cực thúc đẩy việc thực hiện <i>Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)</i>.
Kinh tế- Khoa học- Giáo dục	- Thực hiện các dự án phát triển kinh tế- xã hội; tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, xây dựng bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển và đưa dân ra sinh sống trên các đảo...
Chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển đảo	- Năm 1988, quân đội Trung Quốc tấn công trái phép một số đảo như Cô Lin, Len Đảo, Gạc Ma...thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Lực lượng quân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. - Năm 2014, Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép trong vùng đặc quyền 200 hải lí của Việt Nam ở Biển Đông. Việt Nam tăng cường lực lượng tại khu vực để đẩy, đuổi. Đồng thời, tích cực đấu tranh ngoại giao, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan.

3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay

- Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch.
 - Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.
 - Khẳng định cuộc đấu tranh của Việt Nam là chính nghĩa, phù hợp với truyền thống anh dũng bất khuất chống ngoại xâm, tuân thủ đúng pháp luật quốc tế, thể hiện ý chí quyết tâm của Việt Nam đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp bảo vệ chủ quyền, giữ gìn hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

4. Một số bài học lịch sử của cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

- Luôn nêu cao tinh thần yêu nước và lòng nhân đạo cao cả của con người Việt Nam.
 - Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.
 - Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của khu vực, quốc tế.

- Vận dụng sáng tạo và phát huy nghệ thuật lãnh đạo chính trị và quân sự toàn diện, thống nhất trong cả nước.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Trắc nghiệm (chọn đáp án duy nhất đúng)

Câu 1. Từ sau tháng 4-1975, quan hệ giữa Việt Nam với những nước nào dưới đây có dấu hiệu bất ổn?

- A. Liên Xô, Trung Quốc.
- B. Trung Quốc, Lào.
- C. Lào, Cam-pu-chia.
- D. Cam-pu-chia, Trung Quốc.

Câu 2. Từ năm 1976 - 1986, nhân dân Việt Nam thực hiện một trong nhiệm vụ nào dưới đây?

- A. Tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.
- B. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- C. Đấu tranh giành chính quyền.
- D. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

Câu 3. Tập đoàn Khơ-me đỏ lên cầm quyền ở Cam-pu-chia do ai cầm đầu?

- A. Xi-ha-núc.
- B. Pôn Pốt.
- C. Khiêu Sam-phan
- D. Ieng - Sary.

Câu 4. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 diễn ra trong bối cảnh nào?

- A. Chiến tranh Lạnh ở giai đoạn đỉnh cao, quan hệ Mỹ -Trung căng thẳng.
- B. Xu thế đa cực đã xác lập, quan hệ Mỹ-Xô-Trung trở lại bình thường.
- C. Chiến tranh Lạnh kết thúc, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều biến động, phức tạp.
- D. Xu thế hòa hoãn Đông -Tây tiếp tục diễn ra, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều yếu tố phức tạp.

Câu 5. Cuối năm 1978, Pôn Pốt đã huy động nhiều sư đoàn bộ binh

- A. tiến đánh Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.
- B. tiến đánh Tây Nguyên, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.
- C. đánh chiếm đảo Phú Quốc, đảo Hòn Mê thuộc lãnh thổ Việt Nam.
- D. đánh chiếm đảo Thổ Chu và khu vực Đông Nam Bộ nước ta.

Câu 6. Trước hành động quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn tấn công xâm lược toàn tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam, quân dân nước ta đã

- A. mở cuộc đàm phán ngừng chiến.
- B. mở cuộc tổng phản công tiêu diệt và quét sạch quân xâm lược.
- C. kêu gọi các nước lên án hành động xâm lược.
- D. mở hệ thống phòng ngự ngăn chặn quân xâm lược tiến sâu vào lãnh thổ.

Câu 7. Những địa danh như Ba Chúc (An Giang), Tân Lập (Tây Ninh)...trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam Việt Nam gợi nhớ đến điều gì?

- A. Những chiến công oanh liệt của quân dân Việt Nam.
- B. Những vụ thảm sát tàn bạo của quân Pôn Pốt đối với đồng bào nước ta.
- C. Những căn cứ chỉ huy của quân đội Việt Nam.
- D. Những trận đánh ác liệt giữa quân dân Việt Nam với quân Khơ-me đỏ.

Câu 8. Quân dân Cam-pu-chia lật đổ được chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ, giải phóng thủ đô Phnôm Pênh (07-01-1975) có sự phối hợp với

- A. quân đội Trung Quốc.
- B. quân đội Liên Xô.
- C. quân đội Lào.
- D. quân tình nguyện Việt Nam.

Câu 9. Sự kiện nào dưới đây diễn ra vào ngày 17-02-1979?

- A. Trung Quốc lấn chiếm nhiều vùng đất đai ở khu vực biên giới phía Đông Bắc Việt Nam.
- B. Trung Quốc điều động 23 sư đoàn tấn công vào lãnh thổ Việt Nam.
- C. Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt tấn công vào lãnh thổ Việt Nam.
- D. Trung Quốc điều động hơn 60 vạn quân tiến công sang toàn bộ sáu tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

Câu 10. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979-1989)?

- A. Nhiều trận chiến đã diễn ra quyết liệt ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai.
- B. Toàn bộ lực lượng quân đội chính quy của Việt Nam được huy động lên biên giới.
- C. Dư luận trong nước phản đối mạnh mẽ hành động xâm lược của Trung Quốc.
- D. Quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu.

Câu 11. Trong giai đoạn 1984 -1989, địa bàn nào dưới đây tiếp tục là chiến trường ác liệt giữa quân đội Trung Quốc và Việt Nam?

- A. Khu vực huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
- B. Một số huyện ở các tỉnh Lào Cai, Điện Biên.
- C. Khu vực biên giới thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Cao Bằng.
- D. Khu vực biên giới thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Câu 12. Cuộc đấu tranh bảo vệ của nhân dân Việt Nam từ sau năm 1975 không vì mục tiêu nào sau đây?

- A. Giữ vững hòa bình.
- B. Nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.
- C. Bảo vệ lợi ích quốc gia.
- D. Duy trì ổn định chính trị.

Câu 13. Một trong những quan điểm chủ đạo trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam sau tháng 4-1975 là

- A. coi ngoại lực là nhân tố quyết định mọi thắng lợi, thành công.
- B. kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- C. chỉ chú trọng xây dựng sức mạnh của đất nước về văn hóa- xã hội.
- D. kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: kháng chiến và kiến quốc.

Câu 14. Để khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã liên tục công bố

- A. các bộ luật và quy định về lãnh thổ, lãnh hải.
- B. Sách trắng về chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải.
- C. hệ thống bản đồ chủ quyền của Việt Nam.
- D. các tài liệu lịch sử khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi quyền, chủ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Biển Đông?

- A. Từ chối tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển.
- B. Thành lập huyện đảo Trường Sa và huyện đảo Hoàng Sa.
- C. Tổ chức nghiên cứu để cung cấp các bằng chứng về chủ quyền biển, đảo.
- D. Kiên quyết đấu tranh với hoạt động vi phạm chủ quyền.

II. Trắc nghiệm Đúng/Sai (đọc tư liệu, thông tin... chọn các câu Đúng (Đ) hoặc Sai (S))

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

" Ngày 14-3-1988, quân Trung Quốc đánh chiếm Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao của Việt Nam. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biển đảo, hàng chục chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã anh dũng hi sinh. Chính phủ Việt Nam đã thông báo cho Liên hợp quốc về vấn đề này. Năm 2014, Trung Quốc dùng giàn khoan Hải Dương 981 xâm phạm chủ quyền biển đảo của Việt Nam, nhân dân cả nước cùng lực lượng chức năng phối hợp đấu tranh quyết liệt, bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan khỏi vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam"

(Theo Sách giáo khoa Lịch sử 12-Chân trời sáng tạo- tr. 60)

- a). Trung Quốc luôn được đánh giá là một bên làm cho tình hình Biển Đông luôn căng thẳng.
- b). Trung Quốc đánh chiếm Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao là những vùng thuộc huyện đảo Hoàng Sa của Việt Nam.
- c). Quân dân nước ta đấu tranh buộc Trung Quốc rút giàn khoan Hải Dương 981 ra khỏi vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam năm 2014 thể hiện ý chí quyết tâm đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp bảo vệ chủ quyền, giữ gìn hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.
- d). Tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông đến nay đã giải quyết xong, tình hình Biển Đông đã hết căng thẳng.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

" Ngày nay, trước cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, trước sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hóa mạnh mẽ kinh tế thế giới, càng cần phải kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên"

(Theo, Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kì Đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.407)

- a). Quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- b). Cần kết hợp kinh tế trong nước với kinh tế thế giới trong quá trình phát triển.
- c). Yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế sẽ đóng vai trò quyết định sự phát triển kinh tế.
- d). Trong thời đại ngày nay, càng cần phải kết hợp giữa yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau:

" Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ biên giới quốc gia; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa;...bảo vệ hòa bình, an ninh, văn hóa, pháp luật, tính uy nghiêm và biểu tượng quốc gia tại biên giới, cửa khẩu. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác; bảo vệ, phòng thủ vững chắc biên giới quốc gia; góp phần phát triển kinh tế- xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở khu vực biên giới và cả nước"

(Theo, *Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia*)

- a). Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ biên giới quốc gia là nhiệm vụ dành riêng cho lực lượng Bộ đội Biên phòng nước ta.
- b). Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác là góp phần bảo vệ hòa bình ổn định trong khu vực Đông Nam Á.
- c). Để tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở khu vực biên giới chỉ nên tập trung đầu tư các nguồn lực cho khu vực biên giới mà thôi.

d). Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia phải luôn phát huy bài học lịch sử về nêu cao tinh thần yêu nước và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.

BÀI 10

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

A. LÝ THUYẾT

1. Giai đoạn khởi đầu của công cuộc đổi mới (1986 – 1995)

- Tháng 12- 1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Nội dung của công cuộc Đổi mới:

*Về kinh tế:

+ Chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6 – 1991) của Đảng Cộng sản, Việt Nam chủ trương hội nhập về kinh tế quốc tế.

*Về chính trị:

+ Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước.

+ Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới nội dung và hình thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

*Về văn hoá – xã hội:

+ Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi công dân.

+ Chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, phong phú và đa dạng.

*Về quốc phòng- an ninh: Chủ trương xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, phát triển kinh tế – xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng.

*Về đối ngoại:

+ Chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Việt Nam chủ trương quan hệ hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

2. Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bước đầu hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996) đã xác định Việt Nam chuyển sang thời kỳ mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006:

*Về kinh tế:

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng, tăng cường tiềm lực về cơ sở - vật chất, công nghệ cho nền kinh tế.

- Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.

*Về chính trị, văn hóa, xã hội- an ninh- quốc phòng:

- Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế.

- Nhân mạnh phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu.

- Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo...

- Xây dựng và tăng cường an ninh - quốc phòng.

*Về đối ngoại: Đặt trọng tâm chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực” nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

=> Công cuộc Đổi mới giai đoạn 1986 - 2006 đã tạo nền tảng cho Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giai đoạn tiếp theo.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng (2006 đến nay)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) đã chủ trương: đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

- Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn từ năm 2006 đến nay:

*Về kinh tế:

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- Phân đấu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có nền công nghiệp theo hướng hiện đại.

*Về chính trị, văn hóa, xã hội- an ninh- quốc phòng:

- Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định.

*Về đối ngoại:

- Chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” sang “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng”.

- Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh

- quốc phòng, văn hoá- xã hội, trong đó hội nhập kinh tế là trọng tâm.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ tháng 12/1986 trong hoàn cảnh như thế nào?

A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã sụp đổ.

B. Tình hình thế giới có rất nhiều điểm thuận lợi.

C. Đất nước đang trên đà phát triển rất mạnh mẽ.

D. Đang lâm vào khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

Câu 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) xác định nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình kinh tế lớn là

A. lương thực - nông sản, hàng tiêu dùng, hàng nhập khẩu.

B. lương thực, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, nông sản.

C. lương thực - thực phẩm, hàng xuất khẩu, hàng quân sự.

D. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Câu 3. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam giai đoạn 1986 -1995 là toàn diện và đồng bộ, trọng tâm nhất trên lĩnh vực

A.Chính trị.

B.Kinh tế.

C.Văn hóa.

D.Xã hội.

Câu 4. Kết quả đạt được bước đầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986-1990), trên thị trường loại hàng hóa nào dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi?

A. Công nghiệp.

B. Nhập khẩu.

C. Tiêu dùng.

D. Xuất khẩu.

Câu 5. Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam mở đầu cho công cuộc đổi mới đất nước?

A. Đại hội V (1982).

B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991).

D. Đại hội VIII (1996).

Câu 6. Quan điểm của Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI (12/1986) là đổi mới phải

A. thực hiện nhanh chóng.

B. bảo đảm chắc thắng lợi.

C. phải thần tốc và táo bạo.

D. toàn diện và đồng bộ.

Câu 7. Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) chủ trương đổi mới về chính trị là xây dựng Nhà

A. pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

B. nền chuyên chính của tư sản.

C. đại đoàn kết toàn thể dân tộc.

D. phân chia quyền lực rõ ràng.

Câu 8. Đường lối Đổi mới đất nước được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đầu tiên ở Đại hội

A. IV.

B. IX.

C. VI

D. XI

Câu 9. Trọng tâm của đường lối Đổi mới mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra năm 1986 là

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. văn hóa.

D. tư tưởng.

Câu 10. Trong Đại hội lần thứ mấy Đảng đã xác định Việt Nam chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

A. VII.

B. XIII

C. VIII.

D. XII

Câu 11. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là

A. đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp.

B. đưa Việt Nam trở thành cường quốc số một.

C. sẽ hoàn thành điện khí hóa vùng nông thôn.

D. phải xóa bỏ được tình trạng tham ô, lãng phí.

Câu 12. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định nội dung nào sau đây là quốc sách hàng đầu?

A. Khoa học, giáo dục.

B. Giáo dục và đào tạo.

C. An ninh, quốc phòng.

D. Kinh tế và chính trị.

Câu 13. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định yếu tố nào sau đây là nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam?

A. Kinh tế.

B. Chính trị.

C. Văn hóa.

D. Tư tưởng

Câu 14. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã xác định trọng tâm của chiến lược hội nhập quốc tế là hội nhập về

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. văn hóa.

D. tư tưởng.

Câu 15. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã xác định đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển

- A. an ninh kinh tế. B. kinh tế tri thức.
C. dân chủ nhân dân. D. dân sinh, dân chủ.

Câu 16. Bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là

- A. khủng hoảng năng lượng (1973). B. đã giải phóng miền Nam (1975).
C. Đại hội Đảng lần thứ III (1960). D. đề ra đường lối đổi mới (1986).

Câu 17. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam phải tiếp tục hoàn thiện, bổ sung đường lối Đổi mới được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986)?

- A. Phù hợp với tình hình thực tế. B. Do yêu cầu của Trung Quốc.
C. Điểm xuất phát còn quá thấp. D. Đảm bảo an ninh - quốc phòng.

Câu 18. Một trong những nguyên nhân trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới (1986- 1990), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn?

- A. Giải quyết các nhu cầu thiết yếu cho Nhân dân.
B. Để đáp ứng nhu cầu nhiều xuất khẩu hàng hóa.
C. Giải quyết nhu cầu việc làm cho người lao động.
D. Tận dụng các lợi thế nguồn lao động trẻ, giá rẻ.

Câu 19. Một trong những nguyên nhân khách quan nào đã thúc đẩy Đảng và Nhà nước tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (12-1986)?

- A. Sự ủng hộ từ phong trào cách mạng thế giới.
B. Các nước Đông Âu đều đã tiến hành đổi mới.
C. Cuộc khủng hoảng rất trầm trọng của Liên Xô.
D. Cải tổ ở Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu.

Câu 20. Đặc trưng nền kinh tế Việt Nam trước khi thực hiện đường lối đổi mới (1986) là

- A. tự nhiên. B. bao cấp. C. tự chủ. D. thị trường.

Câu 21. Vì sao trong đường lối Đổi mới giai đoạn (1986-1995) Đảng Cộng sản Việt Nam xác định trọng tâm là đổi mới kinh tế?

- A. Kinh tế là tiêu chí đánh giá sức mạnh mỗi quốc gia.
B. Nền kinh tế của Việt Nam đang bị Pháp vượt qua.
C. Đang học hỏi bài học kinh nghiệm của Trung Quốc.
D. Kinh tế tự chủ mới quyết định được các vấn đề khác.

Câu 22. Thành tựu đạt được bước đầu trong thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1986 - 1990) của công cuộc đổi mới đất nước chứng tỏ?

- A. Đã phát huy được sức mạnh của một dân tộc.
B. Phương thức hoạt động của Đảng có sự đổi mới.
C. Quan hệ đối ngoại của Việt Nam được mở rộng.
D. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng, phù hợp.

Câu 23. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam được xem là Đại hội mở đầu cho công cuộc

- A. xây dựng đoàn kết. B. phát triển kinh tế.
C. đổi mới đất nước. D. chỉnh đốn Đảng.

Câu 24. Một trong những yếu tố quyết định đến kết quả của công cuộc Đổi mới đất nước là sự đổi mới về

- A. văn hóa. B. tư duy. C. quân sự. D. xã hội.

Câu 25. Một trong những hạn chế của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là

- A. tăng trưởng kinh tế thiếu bền vững.
C. tình trạng thất nghiệp còn quá lớn.

- B. nạn lạm phát chưa được khống chế.
D. xuất phát điểm của kinh tế còn thấp.

Câu 26. Nhận xét nào sau đây đúng khi nói về công cuộc Đổi mới đất nước được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ tháng 12/1986?

- A. Đây là cuộc đổi mới từ dưới lên.
C. Cuộc đổi mới đất nước toàn diện.

- B. Công cuộc cải cách rất triệt để.
D. Còn nhiều hạn chế khó khắc phục.

Câu 27. Một trong những điểm giống nhau của công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc (1978) với công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (1986) là

- A. chú trọng đổi mới về chính trị.
C. cải cách toàn diện trên lĩnh vực.

- B. lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm.
D. kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

Câu 28. Điểm giống nhau về bối cảnh thực hiện của công cuộc cải tổ ở Liên Xô (1990) cải cách - mở cửa ở Trung Quốc (1978) với công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (1986) là

- A. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
C. duy trì được thể chế ở nhà nước cũ.

- B. tập trung để sản xuất hàng tiêu dùng.
D. đất nước đang rơi vào khủng hoảng.

Câu 29. Đây là bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng Cộng sản Việt Nam rút ra từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (12 - 1986) đến nay?

- A. Huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.
B. Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong nhóm ASEAN.
C. Tập trung khắc phục tình trạng tham nhũng và lãng phí.
D. Đẩy mạnh các mối quan hệ đối ngoại hòa bình, ổn định.

Câu 30. Một trong những bài học Đảng Cộng sản Việt Nam rút ra được từ công cuộc Đổi mới đất nước vẫn vẹn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay là

- A. phải đảm bảo lợi ích cho Nhân dân.
C. phát triển nhanh các ngành kinh tế.

- B. phải liên kết với các cường quốc.
D. thực hiện chế độ tam quyền phân lập.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“...phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm nền kinh tế phát triển ổn định. Để thực hiện sự sắp xếp đó, trước hết phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 64).

- a. Tư liệu trên nói về quan điểm Đổi mới trong phát triển kinh tế nhiều thành phần.
b. Để đảm bảo kinh tế phát triển ổn định, cần liên tục thay đổi thành phần kinh tế.
c. Trong Đổi mới, Việt Nam xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều quy mô.
d. Để xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, Việt Nam bố trí lại sản xuất và cơ cấu dân cư.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ: thương mại, kể cả thương mại điện tử, các loại hình vận tải, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, thông tin thị trường..... Sớm phổ cập sử dụng tin học và mạng thông tin quốc tế (internet) trong nền kinh tế và đời sống xã hội. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, điện lực, thông

tin, thủy lợi, cấp nước, thoát nước,... Phát triển mạng lưới đô thị phân bố hợp lý trên các vùng. Hiện đại hóa dân các thành phố lớn, thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn".

(Sách giáo khoa Lịch sử 12 bộ Chân trời sáng tạo, trang 66)

- Trong công cuộc Đổi mới, Việt Nam chú trọng nâng cao năng lực vận tải, dịch vụ.
- Đề tạo điều kiện phát triển kinh tế, Việt Nam chú trọng hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.
- Việt Nam đã hoàn thành phổ cập sử dụng tin học và mạng thông tin quốc tế internet.
- Thành tựu lớn của công cuộc Đổi mới là đã hoàn thành quá trình đô thị hóa nông thôn.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4/2006) của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực để tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức. Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, chú trọng đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng".

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 67).

- Đại hội Đảng lần thứ X (2006) đã xác định đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới.
- Từ năm 2011 đến năm 2020, Việt Nam cơ cấu lại nền kinh tế và thay đổi mô hình tăng trưởng
- Trong công cuộc Đổi mới, cần gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với kinh tế tri thức.
- Các chiến lược phát triển kinh tế trong Đổi mới đều gắn với cơ cấu lại nền kinh tế.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về xã hội chủ nghĩa, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp".

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 62)

- Tư liệu khẳng định quan điểm nhất quán của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.
- Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là chiến lược, hình thức, bước đi là sách lược.
- Trong công cuộc Đổi mới, chỉ cần thay đổi hình thức, bước đi và biện pháp.
- Trong công cuộc Đổi mới, quan niệm về chủ nghĩa xã hội có nhiều thay đổi.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: "Đổi mới ở Việt Nam là quá trình thử nghiệm, trong quá trình đó cái mới và cái cũ xen kẽ nhau, cái cũ không mất đi ngay mà lùi dần, có lúc, có nơi còn chiếm ưu thế hơn so với cái mới, nhưng xu hướng chung là cái mới dần được khẳng định và đưa tới thành công".

Tư liệu 2: "Chúng ta không thể né tránh, kiêng kỵ cơ chế thị trường, vì đó là sự vận động của quy luật khách quan ngoài ý muốn của ta. Trong cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chúng ta đã bác bỏ cơ chế thị trường, làm trái quy luật khách quan, gây ra những hậu quả nghiêm trọng kéo dài, rồi cuộc vẫn phải bị động chạy theo tính tự phát của thị trường tự do. Đó là sai lầm cần phải khắc phục".

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 61, 64)

- Tư liệu 1 khẳng định đổi mới là việc thay đổi ngay cái cũ bằng cái mới tiến bộ hơn.
- Tư liệu 2 chỉ ra một trong những sai lầm của xây dựng cơ chế kinh tế trước đổi mới.
- Trong đổi mới, Việt Nam tiến hành thận trọng, từng bước theo quy luật chủ quan.

d. Trong đổi mới kinh tế, cần chuyển từ bao cấp sang cơ chế thị trường có định hướng.

BÀI 11

THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

A. LÝ THUYẾT

1. Thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

a. Thành tựu đổi mới chính trị

- Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.
- Xây dựng và từng bước hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.
- Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

b. Thành tựu về đổi mới kinh tế

- Hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước.
- Tăng trưởng kinh tế đạt tốc độ cao, vươn lên trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình.
- Vươn lên trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.
- Quy mô kinh tế mở rộng đáng kể; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c. Thành tựu đổi mới về xã hội

- Xã hội ổn định; giải quyết vấn đề lao động và việc làm ngày càng hiệu quả; việc xóa đói giảm nghèo và thực hiện chính sách với người có công, an sinh xã hội ngày càng tốt hơn.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh từ 10% (năm 2015) xuống dưới 3% (năm 2020).
- Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều đặn và liên tục.

d. Thành tựu đổi mới về văn hóa

- Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên.
- Các giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể truyền thống của Việt Nam được xác định và đánh giá theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhiều di sản văn hóa của nước ta được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa của thế giới.
- Hình thành thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Phong trào thể dục, thể thao phát triển; một số bộ môn đạt thành tích cao trong các kì thi đấu quốc tế.

e. Thành tựu về hội nhập quốc tế

- Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ, các tổ chức khu vực và quốc tế.
- Tham gia các hiệp ước, hiệp định song phương và đa phương về thương mại, an ninh, ngoại giao, trao đổi văn hóa, du lịch.
- Đề xuất sáng kiến và tham gia giải quyết các vấn đề chính trị, xã hội, an ninh, kinh tế...của khu vực và quốc tế.

2. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay

- Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đổi mới toàn diện, đồng bộ có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Đổi mới vì lợi ích nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.
- Kết hợp sức mạnh nội tại và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Trắc nghiệm (chọn đáp án duy nhất đúng)

Câu 1. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được tiến hành từ thời điểm nào?

- A. Từ năm 1975 đến nay.
- B. Từ năm 1985 đến nay.
- C. Từ năm 1986 đến nay.
- D. Từ năm 1995 đến nay.

Câu 2. Một trong những bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở nước ta là

- A. Đổi mới tập trung vào kinh tế - xã hội.
- B. Đổi mới tập trung vào hành chính- chính trị.
- C. Đổi mới tập trung vào văn hóa - đối ngoại.
- D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Câu 3. Những nội dung sau đây, nội dung nào không phải là thành tựu đổi mới chính trị ở nước ta từ năm 1986 đến nay?

- A. Tư duy mới về chủ nghĩa xã hội, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- B. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- C. Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.
- D. Duy trì hệ thống quản lí quan liêu, bao cấp, thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Câu 4. Điều 2, Hiến pháp năm 2013 quy định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Chính phủ Việt Nam.
- C. Quốc hội Việt Nam.
- D. nhân dân.

Câu 5. Bộ máy hành chính các cấp ở nước ta từ công cuộc Đổi mới 1986 đến nay được sắp xếp theo hướng

- A. hiệu quả và chặt chẽ.
- B. chất lượng và chặt chẽ.
- C. tinh gọn và hiệu quả.
- D. tăng cường chất lượng.

Câu 6. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam xác định thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo?

- A. Kinh tế nhà nước.
- B. Kinh tế tập thể.
- C. Kinh tế tư nhân.
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 7. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã xóa dần nền kinh tế nào dưới đây?

- A. Kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp.
- B. Kinh tế tập thể.
- C. Kinh tế tư nhân.
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 8. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế không bao gồm đặc điểm nào sau đây?

- A. Là nền kinh tế hiện đại, hội nhập quốc tế.
- B. Là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật thị trường.

C. Là nền kinh tế có sự quản lí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

D. Là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp.

Câu 9. Đến năm 2008, Việt Nam ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp, từng bước vươn lên trở thành nước

A. có thu nhập cao.

B. đang phát triển có thu nhập cao.

C. đang phát triển có thu nhập trung bình.

D. đang phát triển có thu nhập thấp.

Câu 10. Thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về xã hội thể hiện trên những mặt chủ yếu nào sau đây?

A. Chăm sóc sức khỏe, thực hiện an sinh xã hội, xóa bỏ hoàn toàn đói nghèo.

B. Chính sách việc làm, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

C. Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, xây dựng chính sách an ninh xã hội.

D. Xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thực hiện an ninh xã hội.

Câu 11. Nội dung nào dưới đây **không** phải là thành tựu đổi mới về xã hội từ năm 1986 đến nay?

A. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo hiểm y tế được mở rộng.

B. Cơ cấu xuất, nhập khẩu chuyển dịch theo hướng tăng xuất khẩu chế tạo.

C. Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều đặn và liên tục.

D. Nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở, đi lại, giải trí,... được đáp ứng tốt hơn.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây **không** phải là thành tựu đổi mới về văn hóa từ năm 1986 đến nay?

A. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, báo chí còn lạc hậu, chưa phát triển.

B. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên.

C. Nhiều di sản lịch sử, văn hóa được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa của thế giới.

D. Các phong trào xây dựng về đời sống văn hóa, gia đình văn hóa đạt kết quả tích cực.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây **không** phải là thành tựu đổi mới về hội nhập quốc tế từ năm 1986 đến nay?

A. Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng.

B. Phát huy vai trò trên diễn đàn đa phương.

C. Sự cạnh tranh về kinh tế giữa các chủ thể.

D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với 190/200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây **không** phải là bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay?

A. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

B. Kết hợp sức mạnh của nhân dân Việt Nam với các quốc gia trong khu vực.

C. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

D. Đổi mới vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

Câu 15. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp được thể hiện ở

A. nhân dân được phát huy quyền làm chủ, lao động sáng tạo.

B. khơi nguồn sáng tạo, chủ động và phát huy các nguồn lực của nhân dân trong cơ chế thị trường.

C. đổi mới từ tư duy, nhận thức đến thực tiễn hành động.

D. kết hợp nội lực, ngoại lực tạo sức mạnh tổng hợp để phát triển nhanh và bền vững.

Câu 16. Đổi mới vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân được thể hiện ở

A. những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới.

B. đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và quản lí của Nhà nước, cả hệ thống chính trị.

C. vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

D. phát huy, khai thác các nguồn lực trong nước.

Câu 17. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam?

A. Diễn ra trong bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam đang khủng hoảng sâu sắc.

B. Diễn ra chậm chạp do những khó khăn, cản trở tác động từ bên ngoài.

C. Diễn ra từng bước, từ hội nhập kinh tế quốc tế đến hội nhập toàn diện, sâu rộng.

D. Diễn ra từng bước, từ hội nhập văn hóa đến hội nhập kinh tế, chính trị, xã hội.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng thành tựu của hội nhập quốc tế về văn hóa trong thời kì Đổi mới ở Việt Nam?

A. Đời sống văn hóa của người dân được cải thiện.

B. Kí kết các thỏa thuận, điều ước quốc tế có nội dung văn hóa.

C. Kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

D. Bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa của dân tộc.

Câu 19. Quá trình nào sau đây cho thấy công cuộc Đổi mới ở Việt Nam hiện nay đang tiếp tục được đẩy mạnh?

A. Hoàn thành cải cách nền giáo dục.

B. Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

C. Hoàn thành quá trình hội nhập khu vực về văn hóa.

D. Thoát khỏi khủng hoảng nợ công ở khu vực và toàn cầu.

II. Trắc nghiệm Đúng/Sai (đọc tư liệu, thông tin... chọn các câu Đúng (Đ) hoặc Sai (S))

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

" Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là một nguồn gốc hình thành đường lối Đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, qua thực tiễn phong phú của nhân dân, tiến hành tổng kết, từng bước tìm ra quy luật các mặt của cuộc sống để đi lên- đó là chìa khóa của thành công".

(Nhiều tác giả, Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu tổng kết 30 năm đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.81)

a. Cần thực hiện mọi ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân.

b. Toàn bộ đường lối Đổi mới hình thành từ ý kiến của nhân dân.

c. Ý kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối Đổi mới.

d. Để thành công, quá trình Đổi mới cần phải dựa vào nhân dân và thực tiễn.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

" Việt Nam là một câu chuyện phát triển thành công. Những cải cách kinh tế từ năm 1986 kết hợp với những xu thế toàn cầu thuận lợi đã nhanh chóng giúp Việt Nam phát triển từ

một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp chỉ trong vòng một thế hệ".

(Theo *Tổng quan về Việt Nam*, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam)

- Việt Nam đã nhanh chóng trở thành một nước phát triển.
- Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đã thành công trọn vẹn.
- Việt Nam đã thoát nghèo, trở thành quốc gia thu nhập cao.
- Việt Nam có sự phát triển nhanh chóng nhờ tiến hành công cuộc Đổi mới.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau:

" Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo quy luật kinh tế thị trường, có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh..." "

(Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25-26)

- Kinh tế thị trường là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.
- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu và tiên tiến trên thế giới.
- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- Mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" là mục tiêu riêng có của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI

BÀI 12

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC

(ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

A. LÝ THUYẾT

1. Hoạt động đối ngoại của các nhà yêu nước Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX

a. Bối cảnh lịch sử

- Đầu thế kỉ XX, cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm biến đổi kinh tế, xã hội, ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- Con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến bế tắc, cần tìm con đường cứu nước mới.
- Các nhà yêu nước triển khai các hoạt động đối ngoại tìm kiếm sự ủng hộ, giúp đỡ các lực lượng tiên bộ cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc Việt Nam.

b. Hoạt động đối ngoại của các nhà yêu nước tiêu biểu

Nhà yêu nước	Thời gian	Hoạt động chính	Mục đích
	1905 - 1909	Tổ chức phong trào Đông Du (1905 - 1908) sang Nhật Bản, tiếp xúc với một số nhân vật như Lương Khải Siêu, Khuyển Dưỡng Nghị, Đại Ôn... Tham gia thành lập <i>Đông Á Đồng</i>	Tìm kiếm sự giúp đỡ của những nhà yêu nước và nhân dân các nước như Nhật, Trung

Phan Bội Châu		<i>minh Hội và Diền-Quế-Việt Liên minh</i>	Quốc, Đông Nam Á...đối với công cuộc giành độc lập của Việt Nam
	1909 -1925	Tiếp xúc với nhiều người yêu nước Trung Quốc; thành lập và triển khai hoạt động của <i>Việt Nam Quang Phục Hội</i> ; tham gia sáng lập <i>Hội Chấn Hưng Á</i> ; cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga...	
Phan Châu Trinh	1906	Sang Nhật rồi về nước gửi thư đề nghị Toàn quyền Đông Dương cải cách chế độ cai trị, mở mang kinh tế, giáo dục đối với nhân dân Việt Nam	Tranh thủ sự ủng hộ của lực lượng cấp tiến cho cách mạng Việt Nam
	1911 - 1925	Hoạt động tại Pháp, thành lập <i>Nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp</i> ; gửi kiến nghị lên chính phủ Pháp; lên án chính sách cai trị của chính quyền Pháp ở Đông Dương; viết báo, diễn thuyết thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam	
Nguyễn Ái Quốc	1911 -1923	Cuối 1917 trở lại Pháp: gia nhập <i>Đảng Xã hội Pháp</i> ; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; gửi <i>Bản Yêu sách của nhân dân An Nam</i> đến Hội nghị Véc-xai; thành lập <i>Hội Liên hiệp thuộc địa</i> , chủ nhiệm kiêm chủ bút báo <i>Người cùng khổ</i> ...	Xác lập mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa; xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động các nước; liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng thế giới.
	1923 -1930	Tham gia các hoạt động của <i>Quốc tế Cộng sản</i> tại Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á; tham gia thành lập <i>Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông</i>	

2. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 -1945)

Giai đoạn	Hoạt động chính	Mục đích
Từ 1930 -1939	Xác lập củng cố quan hệ với các đảng cộng sản và phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới	Phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam
Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)	Liên lạc với phong trào chống quân phiệt Nhật ở các nước Đông Nam Á (như Miến Điện, Mã Lai, Philippines, Thái Lan,	

	Indonesia...). Đứng về phe dân chủ chống phát xít xâm lược; triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm thiết lập quan hệ với các nước Đồng minh (Trung Quốc, Mỹ) để chống phát xít.	" Đánh Pháp, đuổi Nhật" giành độc lập cho dân tộc
Sau ngày 09-03-1945	Đại diện Mặt trận Việt Minh và Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với người Mỹ. Phối hợp với Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS) của Mỹ để huấn luyện quân sự, cung cấp hậu cần, y tế cho Việt Minh, thu thập thông tin tình báo và chống quân phiệt Nhật	Thể hiện thiện chí của Việt Minh muốn tìm kiếm một giải pháp cho vấn đề Đông Dương.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Trắc nghiệm (chọn đáp án duy nhất đúng)

Câu 1. Đầu thế kỉ XX, đất nước Việt Nam có rất nhiều chuyển biến sâu sắc dưới tác động của

- A. cuộc xâm lược thực dân Pháp. B. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).
C. cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. D. phong trào Cần Vương.

Câu 2. Đến đầu thế kỉ XX, con đường giải phóng dân tộc nào dưới đây đã tỏ ra bế tắc ở Việt Nam?

- A. Đấu tranh theo tư tưởng dân chủ tư sản. B. Đấu tranh theo tư tưởng vô sản.
C. Đấu tranh theo tư tưởng phong kiến. D. Đấu tranh theo tư tưởng tiểu tư sản.

Câu 3. Đi tiên phong trong các hoạt động đối ngoại để đấu tranh giành độc lập từ đầu thế kỉ XX là

- A. Phan Bội Châu. B. Phan Châu Trinh.
C. Nguyễn Ái Quốc. D. Nguyễn Trường Tộ.

Câu 4. Đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc là những nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu thực hiện

- A. những hoạt động đối ngoại bước đầu. B. những hoạt động đối ngoại chính thức.
C. các hoạt động ngoại giao với các nước. D. các hoạt động đối nội chính thức.

Câu 5. Từ năm 1905 đến năm 1908, Duy tân hội của Phan Bội Châu đã tổ chức phong trào

- A. xây dựng căn cứ cách mạng ở Trung Quốc.
B. Đông Du đưa du học sinh Việt Nam sang Nhật.
C. phục quốc từ căn cứ Bạt Thâm. D. Đông Kinh nghĩa thực.

Câu 6. Hoạt động ngoại giao của Phan Châu Trinh những năm đầu thế kỉ XX chủ yếu diễn ra tại nước

- A. Nhật. B. Trung Quốc. C. Liên Xô. D. Pháp.

Câu 7. Hoạt động ngoại giao của Phan Châu Trinh những năm đầu thế kỉ XX với mục đích chủ yếu là

- A. đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam.
B. xóa bỏ chế độ phong kiến ở Việt Nam.
C. vận động cải cách cho Việt Nam.
D. kêu gọi thế giới lên án hành động xâm lược của Pháp ở Việt Nam.

Câu 8. Hoạt động ngoại giao của Phan Châu Trinh trong những năm đầu thế kỉ XX có vai trò như thế nào?

A. Góp phần làm cho thực dân Pháp ngày một suy yếu.
B. Góp phần khuyếch trương thanh thế phong trào yêu nước Việt Nam ra ngoài biên giới quốc gia.

C. Góp phần thu hút dư luận thế giới ủng hộ cách mạng Việt Nam.

D. Góp phần thúc đẩy các nước yêu chuộng hòa bình viện trợ cho cách mạng Việt Nam.

Câu 9. Các hoạt động ngoại giao của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có điểm chung nào đáng chú ý?

A. Đều kêu gọi các nước giúp đỡ đối với cách mạng Việt Nam.

B. Đều kêu gọi các nước giúp đỡ vũ khí cho Việt Nam.

C. Đều kêu gọi các nước viện trợ kinh tế cho Việt Nam.

D. Đều kêu gọi các nước lên án hành động xâm lược của thực dân Pháp.

Câu 10. Những năm hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc không tham gia thành lập tổ chức nào sau đây?

A. Đảng Cộng sản Pháp.

B. Hội Liên hiệp thuộc địa.

C. Báo Người Cùng khổ.

D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 11. Trong những năm 1923 -1930, hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc diễn ra chủ yếu ở

A. Pháp

B. Pháp và Anh.

C. Liên Xô.

D. Liên Xô và Trung Quốc.

Câu 12. Những năm hoạt động ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã chính thức xác lập mối quan hệ cách mạng Việt Nam với

A. cách mạng Liên Xô.

B. cách mạng thế giới và Quốc tế Cộng sản.

C. Quốc tế Cộng sản.

D. cách mạng nhân dân thế giới.

Câu 13. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940 là

A. duy trì liên lạc với Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và phong trào vô sản ở các nước.

B. duy trì liên lạc với Quốc tế Vô sản, các đảng xã hội, phong trào vô sản ở các nước.

C. thể hiện sự ủng hộ Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước phe Đồng minh.

D. thể hiện sự ủng hộ các nước phe Đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 14. Trong giai đoạn 1941-1945, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện chủ yếu thông qua tổ chức nào dưới đây?

A. Ban Chỉ huy hải ngoại.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Quốc tế Cộng sản.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 15. Năm 1945, Mặt trận Việt Minh đã phối hợp với tổ chức tình báo nước nào để thu thập tin tình báo, phối hợp chống quân phiệt Nhật?

A. Tình báo Trung Quốc.

B. Tình báo Liên Xô.

C. Tình báo Mỹ.

D. Tình báo Anh.

II. Trắc nghiệm Đúng/Sai (đọc tư liệu, thông tin... chọn các câu Đúng (Đ) hoặc Sai (S))

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

" Từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định: " Tuyên truyền cho dân chúng Đông Dương thấy sự can hệ, liên lạc phong trào Đông Dương với quốc tế, đánh tan cái quan niệm quốc gia hẹp hòi thì sự giải phóng dân tộc hoàn toàn khỏi ách đế quốc mới có thể có".

(Văn kiện Đảng toàn tập, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.547)

- a. Nội dung tư liệu trình bày quan điểm của Đảng Cộng sản Đông Dương về nhiệm vụ đối ngoại của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.
- b. Cách mạng Việt Nam muốn thành công thì phải kết hợp sức mạnh đoàn kết quốc tế.
- c. Nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Đông Dương là phải tuyên truyền cho dân chúng biết về đường lối đối ngoại của Đảng.
- d. Sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam phụ thuộc hoàn toàn vào chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

" Cơ quan quân đội Mỹ ở Côn Minh bắt đầu liên lạc với phong trào kháng chiến Việt Minh ở Việt Bắc và sau khi Nhật đảo chính Pháp thì dựa vào Việt Minh để được cung cấp thông tin cho hoạt động không quân Mỹ chống Nhật tại Đông Dương. Ngày 16-7-1945, Mỹ thả dù một số vũ khí, thuốc men, điện đài và huấn luyện viên xuống Tuyên Quang, vừa làm nhiệm vụ liên lạc với lực lượng Mỹ ở Côn Minh về tin tức hoạt động quân sự của Nhật Bản ở Đông Dương, vừa huấn luyện kỹ thuật cho du kích Việt Minh ở vùng giải phóng Tân Trào".
(Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945 -2000*, NXB Chính trị quốc gia, 2015, tr.41)

- a. Cơ quan tình báo quân đội Mỹ bắt đầu liên lạc với toàn bộ lực lượng kháng chiến ở Việt Nam để thu thập thông tin sau khi Nhật đảo chính Pháp.
- b. Việt Minh là bên cung cấp thông tin tình báo cho hoạt động quân đội Mỹ chống Nhật.
- c. Quân đội Mỹ là tổ chức đã cho ra đời quân đội du kích Việt Minh.
- d. Quân đội du kích Việt Minh được quân đội Mỹ huấn luyện và cung cấp vũ khí.

BÀI 13. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY

A. LÝ THUYẾT

1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

- + Từ năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư, công hàm cho Đại hội đồng Liên hợp quốc và chính phủ một số nước, khẳng định tính hợp pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đề nghị công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- + Trước ngày 6-3-1946: Thực hiện chính sách ngoại giao mềm mỏng với quân đội Trung Hoa Dân quốc, cương quyết chống thực dân Pháp xâm lược.
- + Từ ngày 6-3-1946: Kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946). Tiến hành đàm phán ngoại giao tại Đà Lạt, Phòng ten-nơ-bơ-lô (Pháp) và kí với Pháp bản Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946).
- + Năm 1947 - 1949: Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin tại Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ; cử đại diện tham gia một số hội nghị quốc tế và khu vực tại châu Á và châu Âu.
- + Năm 1950: Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa: Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên và một số nước Đông Âu (Tiệp Khắc, Đức, Ru-ma-ni, Ba Lan,...).
- + Năm 1951: Tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương. Tổ chức hội nghị thành lập Liên minh nhân dân ba nước Việt - Miên - Lào tại Tuyên Quang (tháng 3-1951).
- + Năm 1954: Cử phái đoàn ngoại giao tham dự Hội nghị và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, buộc Pháp thừa nhận và tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

2. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975):

- + Đấu tranh yêu cầu thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ: Từ năm 1954 đến năm 1958, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhiều lần gửi công hàm cho chính quyền Sài Gòn và các bên liên quan, yêu cầu thực hiện nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- + củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa: Từ năm 1954 đến năm 1975, Chủ tịch Hồ Chí Minh và lãnh đạo cấp cao của Việt Nam đã có nhiều cuộc tiếp xúc với lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.
- + Tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương:
 - Năm 1965, Hội nghị nhân dân ba nước Đông Dương diễn ra tại Phnôm Pênh (Campuchia).
 - Năm 1970, Hội nghị Cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương ra tuyên bố chung.
- + Đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri: Từ năm 1968 đến năm 1973, Việt Nam cử các phái đoàn ngoại giao, tham gia đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri, buộc Mỹ rút quân và công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- + Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước, đặc biệt là sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973); đẩy mạnh đối ngoại nhân dân: Từ năm 1954 đến năm 1975, Việt Nam thiết lập, mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước; tích cực xây dựng mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ.

3. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985:

- Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa:
- + Năm 1975, Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm chính thức Liên Xô. Hai bên kí các hiệp định tương trợ. Trên cơ sở đó, Liên Xô giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình lớn như Nhà máy thủy điện Hoà Bình, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn,...
- + Năm 1978, Việt Nam và Liên Xô kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác.
- + Năm 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) và kí nhiều hiệp ước hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- Cải thiện quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á, thúc đẩy đối thoại với ASEAN:
- + Năm 1977, Việt Nam và Lào kí Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác.
- + Năm 1979, Việt Nam giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.
- Bước đầu đàm phán bình thường hoá quan hệ với Mỹ: Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, Việt Nam đã gửi thông điệp cho chính quyền Mỹ về việc duy trì quan hệ song phương trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, không thù địch. Nhiều cuộc hội đàm Việt - Mỹ đã diễn ra tại Pa-ri và Hà Nội.
- Phát triển quan hệ đối ngoại với các quốc gia và tổ chức quốc tế:
- + Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên Liên hợp quốc.
- + Đến năm 1979, Việt Nam đã tham gia 33 tổ chức và 19 điều ước quốc tế.
- Tham gia và đóng góp tích cực vào Phong trào Không liên kết: Năm 1976, nước Việt Nam thống nhất chính thức gia nhập Phong trào Không liên kết.

4. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay:

- Phá thế bao vây, cấm vận:
- + Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
- + Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
- Củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với Lào, Cam-pu-chia; tham gia ASEAN, thúc đẩy hoạt động đối ngoại ở Đông Nam Á:
- + Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN.

- + Năm 1995, Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA).
- + Tổ chức thành công nhiều hoạt động và hội nghị của ASEAN; đảm nhiệm vai trò nước Chủ tịch ASEAN vào các năm 1998, 2010, 2020; có nhiều đóng góp xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác: Từ năm 2008 đến năm 2023, Việt Nam lần lượt thiết lập, nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.
- Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế:
- + Năm 2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- + Đến năm 2023, Việt Nam là thành viên của 70 diễn đàn và các cơ chế hợp tác quốc tế, có quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ trên thế giới.
- ♦ Trong những thập kỉ đầu của thế kỉ XXI:
- + Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động đối ngoại nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, giải quyết tranh chấp, bất đồng trong vấn đề biên giới thông qua đàm phán, thương lượng.
- + Hoạt động đối ngoại trong những năm gần đây còn gắn với các lĩnh vực như giao lưu văn hoá, hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm họa thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.....
- + Hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục có bước phát triển mới, gắn liền với vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Năm 1945, một trong những hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là

- A. gửi Công hàm đề nghị các nước lớn công nhận Việt Nam.
- B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Việt Nam cử đại biểu tham dự Đại hội Quốc tế cộng sản.
- D. ký với đại diện của chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ-bộ.

Câu 2. Ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký với đại diện của Chính phủ Pháp bản hiệp định nào sau đây?

- A. Bản Môn Điếm.
- B. Giơ-ne-vơ.
- C. Hiệp định Pa-ri.
- D. Hiệp định Sơ-bộ.

Câu 3. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, Việt Nam chủ yếu củng cố, phát triển quan hệ với

- A. Trung Quốc, Liên Xô và các nước Tây Âu.
- B. Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.
- D. Liên Xô và các nước Đông Nam Á.

Câu 4. Trong thời kỳ 1954 - 1975, hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung phục vụ sự nghiệp nào sau đây?

- A. Bảo vệ miền Bắc, xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

C. Bảo vệ và thống nhất chủ nghĩa xã hội.

D. Thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình.

Câu 5. Quốc gia nào sau đây thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 30-1-1950?

A. Liên Xô.

B. Cuba.

C. Ai Cập.

D. Ấn Độ.

Câu 6. Liên minh Việt - Miên - Lào (1951) là

A. liên minh tự nguyện của ba nước Đông Dương.

B. tổ chức hợp tác kinh tế, chính trị Đông Dương.

C. liên minh quân sự của ba nước Đông Dương.

D. tổ chức hợp tác phát triển của Đông Dương.

Câu 7. Hội nghị Giơ-ne-vơ (1954) được triệu tập để giải quyết vấn đề nào sau đây?

A. Đông Đức.

B. Đông Dương.

C. Cam-pu-chia.

D. Trung Đông.

Câu 8. Một trong những nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1965 - 1975 là

A. đòi Mỹ, Diệm thi hành Hiệp định Pa-ri.

B. tố cáo tội ác của chiến tranh xâm lược.

C. đòi quyền tự do dân sinh và dân chủ.

D. bảo vệ các chủ quyền trên biển Đông.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là mục đích của các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành trong giai đoạn 1954-1960?

A. đòi Mỹ, Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

B. tố cáo tội ác của chính quyền Sài Gòn gây ra.

C. đấu tranh đòi quyền tự do dân sinh và dân chủ.

D. bảo vệ biên giới giữa hai miền là vĩ tuyến 17.

Câu 10. Hội nghị Pa-ri (1969-1973) được tổ chức với mục đích nào sau đây?

A. Chống lại âm mưu xâm lược bán đảo Đông Dương.

B. Thiết lập liên minh giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Tìm giải pháp kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam.

D. Thương lượng để kết thúc cuộc khủng hoảng tên lửa.

Câu 11. Ngày 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Pháp văn kiện nào sau đây?

A. Tạm ước.

B. Khế ước.

C. Công ước.

D. Hiệp ước.

Câu 12. Chủ trương đối ngoại nào sau đây được Việt Nam vận dụng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

A. Ngoại giao đi trước, quân sự hỗ trợ.

B. Phối hợp mặt trận chính diện và sau lưng địch.

C. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh vũ trang.

D. Vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là mục đích của các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám đến trước ngày 19/12/1946?

A. Tranh thủ, tập trung phát triển kinh tế đất nước.

B. Xin gia nhập vào các tổ chức hòa bình quốc tế.

C. Yêu cầu các nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

D. Để tránh một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

Câu 14. Các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Không vi phạm đến chủ quyền dân tộc.
- B. Không nhân nhượng thỏa hiệp với Pháp.
- C. Nhân nhượng tất cả yêu cầu của Tưởng.
- D. Giải quyết xung đột bằng thương lượng.

Câu 15. Nội dung nào sau đây thể hiện mục đích của việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp bản Tạm ước ngày 14/9/1946?

- A. Kéo dài thời gian hòa bình để chuẩn bị kháng chiến.
- B. Tranh thủ thời gian để điều động bộ đội từ Nam ra.
- C. Đợi chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em.
- D. Tranh thủ khi lực lượng Pháp còn yếu để đàm phán.

Câu 16. Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ đến Pa-ri đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

- A. Vạn Tường.
- B. Đồng Xoài.
- C. Mậu Thân.
- D. Núi Thành.

Câu 17. Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri (21/7/1973)?

- A. Điện Biên Phủ trên không.
- B. Tiến công chiến lược 1972.
- C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 18. Các hoạt động đối ngoại thực hiện trong giai đoạn từ sau Cách mạng tháng tám đến trước ngày 19/12/1946 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Tạo điều kiện cho các chiến dịch quân sự diễn ra.
- B. Tập hợp quần chúng đứng dưới ngọn cờ của Đảng.
- C. Tranh thủ thời gian hòa hoãn để chờ sự chi viện.
- D. Bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 19. Một trong những kết quả đem lại cho cách mạng Việt Nam từ việc ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 là:

- A. đẩy hai mươi vạn quân Tưởng về nước.
- B. Pháp còn ở Việt Nam mười ngàn quân.
- C. Pháp công nhận độc lập cho Việt Nam.
- D. các nước xã hội chủ nghĩa đã viện trợ.

Câu 20. Đầu là kết quả mà cách mạng Việt Nam đạt được khi ký hiệp định Giơ-ne-vơ 1954?

- A. Thống nhất đất nước.
- B. Miền Bắc giải phóng.
- C. Miền Nam giải phóng.
- D. Đánh bại đế quốc Mỹ.

Câu 21. Đầu là kết quả mà cách mạng Việt Nam đạt được khi ký Hiệp định Pa-ri năm 1973?

- A. Đánh bại hoàn toàn đế quốc Mỹ.
- B. So sánh lực lượng có lợi cho ta.
- C. Thống nhất đất nước về lãnh thổ
- D. Nhận được sự viện trợ lớn từ Nhật.

Câu 22. Sự kiện nào đây có ý nghĩa là bước ngoặt mới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 của Nhân dân Việt Nam?

- A. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
- B. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Hiệp định Pa-ri được ký kết năm 1973.
- D. Chiến thắng Lam Sơn 719 năm 1971.

Câu 23. Từ thắng lợi của Việt Nam trong Hội nghị Pa-ri (1973), Đảng đã rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

- A. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.
- B. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.
- C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Câu 24 Nhận xét nào sau đây đối với Hiệp định Pa-ri (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là đúng?

- A. Kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao dài nhất, khó khăn nhất.
- B. Thắng lợi chung của khối xã hội chủ nghĩa trước âm mưu của Mĩ.
- C. Hiệp định đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- D. Là thời cơ trực tiếp để nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam.

Câu 25. Tháng 11-1991, hoạt động ngoại giao của Việt Nam có điểm gì nổi bật?

- A. Tham gia 33 tổ chức quốc tế và 19 điều ước quốc tế.
- B. Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ.
- C. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN.
- D. Hoa Kỳ phá bỏ cấm vận, thiết lập ngoại giao với Việt Nam.

Câu 26. Việt Nam và Liên Xô kí *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác* năm bao nhiêu?

- A. Năm 1976.
- B. Năm 1977.
- C. Năm 1978.
- D. Năm 1979.

Câu 27 Tổng bí thư Lê Duẩn thăm chính thức Liên Xô vào thời gian nào?

- A. Năm 1973.
- B. Năm 1975.
- C. Năm 1977.
- D. Năm 1979.

Câu 28. Năm 1979, Việt Nam giúp nhân dân Cam-pu-chia

- A. lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ.
- B. lật đổ chế độ chủ nghĩa tư bản.
- C. lật đổ chính quyền Pôn Pốt.
- D. xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Câu 29. Năm 1976, nước Việt Nam thống nhất chính thức gia nhập

- A. ASEAN.
- B. Liên hợp quốc.
- C. Phong trào không liên kết.
- D. WTO.

Câu 30. Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ vào thời gian nào?

- A. Năm 1991.
- B. Năm 1992.
- C. Năm 1993.
- D. Năm 1995.

Câu 31. Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào?

- A. 1991.
- B. 2000.
- C. 1990.
- D. 1995.

Câu 32. Thủ tướng Phạm Văn Đồng phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 6 Phong trào Không liên kết được tổ chức ở đâu?

- A. Mĩ.
- B. Nhật Bản.
- C. Trung Quốc.
- D. Cu-ba.

Câu 33. Việt Nam được bầu cử với số phiếu cao vào vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì nào?

- A. 2010-2011.
- B. 2007-2008.
- C. 2015-2016.
- D. 2008-2009.

Câu 34. Việt Nam chính thức đảm nhận cương vị Chủ tịch ASEAN vào ngày tháng năm nào?

- A. 01-01-2007.
- B. 01-01-2008.
- C. 01-01-2010.
- D. 01-01-2011.

Câu 35. Việt Nam phối hợp với các nước đẩy mạnh hợp tác toàn diện, nhất là trên lĩnh vực nào?

- A. chính trị.
- B. xã hội.
- C. văn hóa.
- D. kinh tế.

Câu 36. Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) vào năm nào?

A. Năm 1978. B. Năm 1999. C. Năm 1980. D. Năm 1954.

Câu 37. Việt Nam phát triển quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác với hai nước nào ở Đông Nam Á?

A. Lào và Cam-pu-chia.

B. Phi-líp-pin và Cam-pu-chia.

C. Đông-ti-mo và Bru-nêy.

D. Lào và Thái Lan.

Câu 38. Mục tiêu của hoạt động đối ngoại Việt Nam trong thời kì Đổi mới là

A. phát triển quan hệ ngoại giao với các nước Đông Nam Á.

B. phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội.

C. phát triển kinh tế và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

D. phát triển chính trị và nâng cao vị thế đất nước trong Liên hợp quốc.

Câu 39. Việt Nam triển khai hoạt động đối ngoại tại các tổ chức, diễn đàn, hội nghị đa phương và đẩy mạnh hợp tác trên lĩnh vực ưu tiên nào?

A. quốc phòng – an ninh.

B. kinh tế, quốc phòng – an ninh.

C. chính trị, kinh tế.

D. văn hóa – xã hội.

Câu 40. Năm 2007, Việt Nam chính thức gia nhập

A. Tổ chức Thương mại Thế giới.

B. Liên hợp quốc.

C. Hội đồng tương trợ kinh tế.

D. Hội đồng Nhân quyền.

Câu 41. Nội dung nào dưới đây **không** phải là hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985?

A. Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng.

C. Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á.

D. Thiết lập quan hệ với các tổ chức quốc tế và các nước khác.

Câu 42. Nội dung nào dưới đây **không** phải là hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay?

A. Triển khai kí kết các hiệp ước bảo vệ lãnh thổ biển đảo trên Biển Đông.

B. Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác khác.

C. Tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới.

D. Tích cực hợp tác nhằm bảo vệ môi trường, giao lưu văn hóa và hỗ trợ nhân đạo.

Câu 43. Nội dung nào dưới đây **không** phải là hoạt động của Việt Nam trong việc thiết lập quan hệ với các tổ chức quốc tế và các nước khác trong giai đoạn 1975-1985?

A. Tích cực đấu tranh chống chính sách cấm vận của Mỹ.

B. Hợp tác giải quyết các vấn đề nhân đạo.

C. **Đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản, thành lập cơ quan đại diện ngoại giao ở nhiều nước.**

D. Chủ trương thúc đẩy đối thoại, từng bước thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước thành viên ASEAN.

Câu 44. Quan hệ giữa Việt Nam với phần lớn các nước trên thế giới đã từng bước được cải thiện và mở rộng trong bối cảnh nào?

A. Việt Nam đang trong quá trình thống nhất đất nước.

B. Sau khi Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc Đổi mới.

C. Sau khi Việt Nam kí Hiệp ước Sơ bộ.

D. Trước khi Việt Nam gia nhập ASEAN.

Câu 45. Để đảm bảo hòa bình, ổn định, bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của Tổ quốc, Việt Nam tham gia đàm phán và kí kết các thỏa thuận, các hiệp định về

- A. chương trình cắt giảm thuế ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT).
- B. đối tác xuyên Thái Bình Dương.
- C. phân định biên giới trên bộ, trên biển.
- D. Liên minh kinh tế Á – Âu.

Câu 46. Việt Nam đã có hoạt động đối ngoại nào đối với Trung Quốc nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của Tổ quốc?

- A. Kí kết các hiệp ước về biên giới trên đất liền và phân định vịnh Bắc Bộ.
- B. Kí hiệp định tham gia Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).
- C. Kí Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực.
- D. Kí Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU.

Câu 47. Việt Nam kí kết Nghị định thư Ki-ô-tô nhằm mục đích gì?

- A. cam kết giảm lượng phát thải khí nhà kính.
- B. phát triển kinh tế bền vững.
- C. giao lưu văn hóa, nghệ thuật đa quốc gia.
- D. phát triển giáo dục, nghệ thuật giữa các nước châu Á.

Câu 48. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc trong giai đoạn 1975-1985 là

- A. giải quyết xung đột về biên giới, lãnh thổ, lãnh hải, kiên quyết bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia.
- B. kí kết các hiệp ước về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học – kĩ thuật.
- C. không ngừng củng cố quan hệ cùng hợp tác, phát triển hòa bình.
- D. thúc đẩy đối thoại về chính trị, từng bước quan hệ ngoại giao.

Câu 49. *“Hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”* là định hướng chung cho hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam tại

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991).
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996).
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001).
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006).

Câu 50. Một trong những thách thức Việt Nam gặp phải trong hoạt động đối ngoại thời kì đổi mới

- A. Nền kinh tế còn chậm phát triển, thu nhập bình quân đầu người chưa cao.
- B. Nền kinh tế Việt Nam phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt.
- C. Tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.
- D. Nhiều nước trên thế giới chưa muốn hợp tác với Việt Nam.

Câu 51. Trong khuôn khổ Đối tác Chiến lược và Đối tác Toàn diện tại Đông Nam Á, Nam Á và Nam Thái Bình Dương, Việt Nam đã trao tặng vật tư y tế trong đại dịch Covid-19 cho các nước nào?

- A. Ô-xtrây-li-a, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Ấn Độ, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po và Thái Lan.
- B. Ô-xtrây-li-a, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po và Thái Lan.

C. Ô-xtrây-li-a, Ấn Độ, Pháp, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po và Thái Lan.
D. Ô-xtrây-li-a, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Nhật Bản, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po và Thái Lan.

Câu 52. Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia đã đạt được nhiều thỏa thuận trong phát triển đường biên giới hòa bình, hữu nghị. Cột mốc đó có tên gọi là?

- A. Ngã ba Độc Lập. B. Cột mốc số 0.
C. Cột mốc 1305. D. Ngã ba Đông Dương.

Câu 53. Việt Nam từ khi gia nhập tổ chức Liên hợp quốc có những đóng góp nào?

- A. có mối quan hệ chặt chẽ, hiệu quả trên nhiều lĩnh vực đối với Liên hợp quốc.
B. trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009.
C. có tiếng nói ngày càng quan trọng trong tổ chức Liên hợp quốc.
D. có những đóng góp vào thực hiện trong nhiều lĩnh vực như chống tham nhũng, chương trình an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, quyền trẻ em.

Câu 54. Việc nước ta trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức Liên hợp quốc có ý nghĩa gì?

- A. Đó là một thắng lợi lớn trên mặt trận ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta năm 1976.
B. Là sự kiện lớn khẳng định vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.
C. Là dấu mốc quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, khẳng định chính sách cấm vận Việt Nam của Mỹ đã thất bại hoàn toàn.
D. Có tiếng nói ngày càng quan trọng trong tổ chức Liên hợp quốc.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

" Điều 1. Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của cả nước Việt Nam như hiệp định Geneva năm 1954 về Việt Nam đã công nhận.

Điều 2. Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền nam Việt Nam kể từ 24 giờ (giờ GMT) ngày 27 -1- 1973.

Cũng ngày giờ nói trên Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới,....

(Trích hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27-1-1973).

a. Mỹ cam kết tôn trọng một số quyền cơ bản của Việt Nam như trong nội dung của hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954.

b. Mỹ cam kết ngừng bắn trên toàn lãnh thổ Việt Nam và ngừng chống phá nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

c. Mỹ rút toàn bộ quân đội và cố vấn ngay lập tức khỏi Việt Nam.

d. Các bên sẽ thực hiện ngừng bắn trên toàn miền Nam Việt Nam.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

" Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, Quân đội của mình, Tài chính của mình và là một phần tử trong liên bang Đông Dương ở trong khối liên hiệp Pháp."

(Trích: Hiệp định sơ bộ Việt – Pháp, ngày 6-3 - 1946.).

a. Pháp công nhận nền độc lập tự do của Việt Nam dân chủ cộng hòa.

b. Pháp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa là quốc gia tự do.

- c. Pháp thừa nhận nền độc lập tự do của Việt Nam dân chủ cộng hòa thuộc khối liên hiệp Pháp.
d. Pháp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa là quốc gia trong khối liên hiệp Pháp.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tích cực tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đồng thời củng cố quốc phòng an ninh, phát huy tác dụng của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tăng cường đoàn kết với Lào và Cam-pu-chia, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho ba nước Đông Dương trở thành lực lượng vững chắc của cách mạng và hoà bình ở Đông Nam Á. Củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Xây dựng quan hệ hữu nghị giữa nước ta và các nước trong thế giới thứ ba, cùng các nước khác trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hoà bình.

(Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghị quyết lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III ngày 29-9-1975 về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, Trích trong Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 36, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.401)

a. Tư tưởng cơ bản trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam là sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

b. Công tác đối ngoại của Việt Nam nhằm mục tiêu giữ vững nền độc lập dân tộc, sự tự chủ về kinh tế, chính trị của đất nước.

c. Đối tượng của chính sách đối ngoại của Việt Nam chỉ bao gồm các nước xã hội chủ nghĩa và củng cố khối đoàn kết của ba nước Đông Dương.

d. Việt Nam đã tích cực tham gia vào các hoạt động đấu tranh vì hoà bình và là thành viên sáng lập của Phong trào Không liên kết.

Câu 4. Cho bảng dữ kiện về một số hoạt động đối ngoại của Việt Nam những năm 1975-1985:

Thời gian	Hoạt động
Tháng 10 - 1975	Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm chính thức Liên Xô. Hai bên kí các hiệp định tương trợ
1976	Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức gia nhập Phong trào Không liên kết.
1977	- Việt Nam kí với Lào Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác. - Việt Nam trở thành thành viên Liên hợp quốc - Việt Nam và Liên Xô kí Hiệp ước liên chính phủ
1978	- Việt Nam kí với Liên Xô bản Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Liên Xô sẽ tiếp tục hợp tác, giúp đỡ, hỗ trợ Việt Nam về mọi mặt theo tinh thần tương trợ, đoàn kết. - Việt Nam gia nhập Hội đồng Tương trợ Kinh tế và kí nhiều hiệp ước hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. - Việt Nam và Mĩ đã có nhiều trao đổi, đàm phán và có một số chuyển biến bước đầu trong quan hệ giữa hai nước.
1979	- Việt Nam giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ - Việt Nam đã tham gia 33 tổ chức và 19 điều ước quốc tế.

- a. Việt Nam có nhiều hoạt động nhằm đẩy mạnh hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa.
- b. “Hòn đá tảng” trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam là củng cố mối quan hệ với ASEAN.
- c. Việt Nam và Mĩ đã bình thường hoá mối quan hệ, từng bước trở thành đối tác chiến lược của nhau.
- d. Việt Nam có nhiều hoạt động tích cực để mở rộng các quan hệ đối ngoại với các nước.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Tháng 1/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân danh Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã gửi thư đến Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc bày tỏ nguyện vọng Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc. Trải qua thăng trầm lịch sử, ngày 20/9/1977, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc. Kể từ đó, Việt Nam luôn là một đối tác tin cậy, là thành viên tích cực và có nhiều đóng góp quan trọng vào thực hiện các sứ mệnh của Liên hợp quốc. Hợp tác giữa Việt Nam và Liên hợp quốc phát triển mạnh mẽ, sâu rộng và hiệu quả. Các chương trình, dự án của Liên hợp quốc đã đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam, nhất là phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, chia sẻ kinh nghiệm phát triển trong nhiều lĩnh vực. Thông qua mô hình hợp tác ba bên với sự hỗ trợ của Liên hợp quốc, Việt Nam tích cực chia sẻ tri thức, kinh nghiệm có được từ công cuộc đổi mới với các nước đang phát triển, nhất là kinh nghiệm về đổi mới kinh tế, hội nhập quốc tế, phát triển nông nghiệp, y tế, giáo dục... Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên hợp quốc những năm qua đã góp phần quan trọng củng cố môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước, nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

(Bùi Thanh Sơn, *45 năm quan hệ Việt Nam - Liên Hợp Quốc: Đối tác tin cậy vì hòa bình, hợp tác và phát triển*, báo Chính phủ điện tử, ngày 19-9-2022)

- a. Việc gia nhập Liên hợp quốc là mốc đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động ngoại giao đa phương của Việt Nam.
- b. Việt Nam trở thành thành viên tích cực, có nhiều đóng góp hiệu quả vào thực hiện các sứ mệnh của Liên hợp quốc.
- c. Ngay sau khi có nguyện vọng, Việt Nam đã được chấp nhận trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- d. Quan hệ Việt Nam và Liên hợp quốc khá đa dạng, nhưng chủ yếu là trên các vấn đề về dân chủ và dân quyền.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“... Ngày 3-2-1994, Chính phủ Mỹ tuyên bố bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam và hai bên đều mở cửa cơ quan đại diện của nhau. Đây là bước ngoặt quan trọng trong việc điều chỉnh chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam, và là bước ngoặt phát triển quan hệ Việt – Mỹ. Sự kiện quan trọng nhất, mở ra một chương mới trong quan hệ Mỹ - Việt là ngày 11-7-1995, Tổng thống Mỹ tuyên bố chính thức bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Như vậy, cho đến thời điểm này, Mỹ là nước lớn cuối cùng trên thế giới đã bình thường hóa quan hệ với Việt Nam”.

(Đình Xuân Lý, *Đối ngoại Việt Nam qua các thời kì lịch sử (1945 - 2012)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2013, tr254)

- a. Sau sự kiện ngày 11-7-1995, Việt Nam đã có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn trên thế giới.
- b. Việc Chính phủ Mỹ tuyên bố bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam là một bước ngoặt trong quan hệ Việt-Mỹ.
- c. Mỹ và Việt Nam trở thành đối tác toàn diện và tin cậy từ sau năm 1995.
- d. Việc Mỹ và Việt Nam mở cửa cơ quan đại diện của nhau đã chính thức đưa quan hệ hai nước bước vào thời kì thân thiện, hợp tác.

BÀI 14

KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

A. LÝ THUYẾT

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

****Hoàn cảnh đất nước:***

- Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, nền độc lập dân tộc và quyền tự do của đại bộ phận nhân dân bị tước đoạt.

- Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều lần lượt thất bại.

**** Hoàn cảnh quê hương:***

- Chủ tịch Hồ Chí Minh quê ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An – vùng đất có truyền thống hiếu học, khoa bảng, người dân cần cù, chịu khó. Nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước.

****Hoàn cảnh gia đình:***

- Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, cha là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc – một nhà nho mẫu mực, mẹ là bà Hoàng Thị Loan – một người phụ nữ đảm đang, chăm chỉ và rất am hiểu các loại hình văn hoá dân gian.

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

****Từ năm 1890 đến năm 1911:***

- Hồ Chí Minh (thưở nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19 – 5 – 1890, quê cha ở Làng Sen, quê mẹ ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An).

- Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào sinh sống ở Huế. Sau khi mẹ qua đời (1901), Nguyễn Sinh Cung theo cha về quê, lấy tên mới là Nguyễn Tất Thành, được theo học Trường Tiểu học Pháp- Việt (Vinh).

- Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế, học tại Trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba và Trường Quốc học Huế...

- Năm 1910, Nguyễn Tất Thành đến Phan Thiết (Bình Thuận), dạy học tại Trường Dục Thanh.

**** Từ năm 1911 đến năm 1941:***

- Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ tích cực tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động ở Pháp, tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.

- Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam.

- Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V. Lê-nin, Người tìm thấy con đường giải phóng dân tộc- cách

mạng vô sản. Tháng 12 – 1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

- Từ năm 1921 đến tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp, tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ,...

- Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế,...

- Từ tháng 11 – 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên (1925),...

- Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở Pháp, Đức, Xiêm,...

- Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng (Trung Quốc).

- Ngày 28 – 1 – 1941, sau hơn 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

*** Từ năm 1941 đến năm 1945:**

- Tháng 5- 1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941), thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh).

- Tháng 8 – 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế.

- Tháng 9 – 1944, Hồ Chí Minh trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng.

- Tháng 8 – 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, và được cử làm Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

*** Từ năm 1945 đến năm 1969:**

- Từ tháng 8-1945 đến tháng 12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền.

- Từ tháng 12-1946 đến tháng 7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954. Chủ trì Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 – 1951).

- Từ tháng 7-1954 đến tháng 9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội lần thứ III của Đảng (9 – 1960), lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Một trong những phẩm chất tốt đẹp của xứ Nghệ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu và thể hiện rõ nét trong cuộc đời hoạt động cách mạng là

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| A. trọng nghĩa khinh tài. | C. giỏi nghề thủ công. |
| B. ý chí trong học tập. | D. kinh nghiệm đi biển. |

Câu 2. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| A. Nhà Nho yêu nước. | C. nông dân rất nghèo khổ. |
| B. có kinh nghiệm đi biển. | D. công nhân kỹ thuật cao. |

Câu 3. Một trong những ngôi trường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng theo học là
A. Hoàng Phố. B. Đồng Khánh. C. Quốc Tử giám. D. Quốc học Huế.

Câu 4. Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước với tên gọi mới là.

A. Văn Ba. B. Ông Ké. C. Thầu Chín. D. Lý Thụy.

Câu 5. Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, từ năm 1912 đến năm 1930, Nguyễn Tất Thành không đặt chân đến quốc gia nào sau đây?

A. Anh B. Pháp C. Liên Xô D. Lào

Câu 6. Điểm khác biệt trong quá trình đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc so với lớp người đi trước là Người

A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước. **B. đi sang châu Mỹ tìm đường cứu nước.**
C. đi sang châu Phi tìm đường cứu nước. D. đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 7. Một trong những nguyên nhân lý giải Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây để tìm đường cứu nước là

A. tìm hiểu các nước phương Tây làm như thế nào.
B. con đường để đi sang phương Tây dễ dàng hơn.
C. phương Tây có nhiều trường Đại học danh tiếng.
D. mục đích chính là ra đi để lao động, kiếm sống.

Câu 8. Một trong những điểm khác biệt trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và Phan Bội Châu là gì?

A. Hết lòng cho sự nghiệp cách mạng. C. Nguyễn Ái Quốc đi sang phương Tây.
B. Coi trọng tầng lớp thanh niên, tri thức. D. Hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc

Câu 9. Một trong những điểm khác biệt trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và Phan Chu Trinh là

A. Mục tiêu giải phóng dân tộc. C. Khuynh hướng cách mạng cứu nước.
B. Công hiến hết mình cho CM. D. Ý chí mãnh liệt, muốn đất nước độc lập.

Câu 10. Nguyễn Ái Quốc không đi theo con đường cách mạng mà các vị tiền bối Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, ...) đã chọn vì

A. con đường của họ không có nước nào áp dụng
B. Con đường của họ là con đường cách mạng tư sản
C. Người nhìn thấy hạn chế của các con đường cứu nước đó
D. Con đường cứu nước của họ mang nặng cốt cách phong kiến

Câu 11. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành tham gia vào tổ chức nào sau đây?

A. Đảng Cộng sản Pháp. C. Đảng Xã hội Pháp.
B. Đảng Bảo thủ Anh. D. Đảng Cộng hòa Mỹ.

Câu 12. Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã

A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
B. thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
C. gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai.
D. tham dự Đại hội đại biểu lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp

Câu 13. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã

A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh Niên
B. thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông

- C. gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai
- D. đọc Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin

Câu 14. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong phong trào cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê nin và đi theo con đường cách mạng vô sản là

- A. gửi tới Hội nghị Véc - xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam
- B. sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa
- C. đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê - nin
- D. bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp

Câu 15. Con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc tìm thấy vào tháng 7-1920 là

- A. CM vô sản. B. dân chủ tư sản. C. CM Tư sản D. cách mạng bạo lực.

Câu 16. Một trong những ngôi trường Nguyễn Tất Thành đã từng dạy học là

- A. Nam Đàn. B. Đồng Khánh C. Quốc học Huế. D. Dục Thanh.

Câu 17. Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari
- B. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- C. gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai
- D. tham dự Đại hội đại biểu lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp

Câu 18. Tờ báo nào do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút trong thời gian hoạt động ở Pháp (1917 - 1923)?

- A. Sự thật B. Người cùng khổ C. Nhân đạo D. Thanh niên

Câu 19. Báo Người cùng khổ do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm là cơ quan ngôn luận của

- A. Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri B. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên
- C. Đảng cộng sản Pháp D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông

Câu 20. Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi

- A. Thái Lan. B. Việt Nam. C. Trung Quốc. D. Đông Đức.

Câu 21. Nguyễn Ái Quốc thành lập “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên” (năm 1925) nhằm

- A. thực hiện phong trào “vô sản hóa”
- B. tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh
- C. mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng
- D. trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới

Câu 22. Tổ chức nào do sau đây do Nguyễn Ái Quốc thành lập, được xem là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam

- A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn. C. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
- B. Đông Dương Cộng sản đảng. D. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa

Câu 23. Nội dung nào không phải là hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Trung Quốc

- A. Mở lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu B. Xuất bản báo Thanh niên
- C. Thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa D. Triệu tập Hội nghị thành lập Đảng

Câu 24. Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có hoạt động nào sau đây?

- A. Thành lập Mặt trận Việt Minh. C. Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng cộng sản.
- B. Soạn thảo Luận cương chính trị. D. Trở về nước lãnh đạo cách mạng.

Câu 25. Sau khi về nước (năm 1941), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì hội nghị nào?

- A. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản
- B. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng
- C. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng
- D. Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ

Câu 26. Tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941), Nguyễn Ái Quốc đề xuất thành lập tổ chức gì?

- A. Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- C. Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh)
- D. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa

Câu 27. Từ tháng 8-1945 đến tháng 12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cách mạng Việt Nam làm nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Kháng chiến chống Mỹ.
- B. Xây dựng và bảo vệ chính quyền.
- C. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. Kháng chiến chống Nhật.

Câu 28. Ngày 2-9-1969, Hồ Chủ tịch qua đời tại Hà Nội, đó là sự kiện

- A. tạo ra rất nhiều khó khăn cho CM
- C. đã gây chia rẽ, mất đoàn kết trong Đảng
- B. tổn thất to lớn của CM VN
- D. cơ hội để Mỹ đem quân đánh ra miền Bắc.

Câu 29. Điểm giống nhau về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945-1954 và 1960-1969 là gì?

- A. Là lãnh tụ tối cao của cách mạng Việt Nam.
- B. Người đứng đầu Chính phủ nước Việt Nam.
- C. Trực tiếp ra mặt trận chỉ huy bộ đội chiến đấu.
- D. Lãnh đạo, điều hành Quốc hội nước Việt Nam.

Câu 30. Nội dung nào sau đây không đúng khi nói những đánh giá của nhân dân thế giới về Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Anh hùng giải phóng dân tộc.
- C. Danh nhân văn hóa thế giới.
- B. Chiến sỹ cộng sản kiên cường.
- D. Nhà dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Nghệ An núi cao, sông sâu, phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất có danh tiếng hơn cả Nam Châu. Người thì thuần hóa mà chăm học, sản vật thì nhiều thứ quý của lạ... được khí tốt của sông núi nên sinh ra nhiều bậc danh hiền... thực là nơi hiểm yếu như thành đồng, ao nóng của nước, là then khóa của các triều đại,

(Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, tập 1, Nxb. KHXH, 1992, trang 63)

Tư liệu 2: “Xứ Đông Dương bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột để làm giàu cho một số cá mập! Người ta đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản để bảo vệ những cái gì mà chính họ cũng không hề biết. Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta tìm họ trong ngu dốt...”.

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, trang 46)

- a) Tư liệu 1 đề cập đến yếu tố quê hương có ảnh hưởng đến sự nghiệp Hồ Chí Minh.
- b) Tư liệu 2 đề cập đến hoàn cảnh đất nước có ảnh hưởng đến sự nghiệp Hồ Chí Minh.
- c) Tư liệu 2 khẳng định sự bóc lột và thống trị tàn bạo của tư bản Pháp ở Đông Dương.
- d) Cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ gắn liền với quê hương Nghệ An.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau:

“Xuất phát từ lòng yêu nước và trên cơ sở rút kinh nghiệm thất bại của các thể hệ cách mạng tiền bối, ngày 5-6-1911 Nguyễn Ái Quốc đã quyết tâm ra đi tìm con đường cứu nước mới hữu hiệu hơn. Nhưng khác với thể hệ thanh niên đầu thế kỉ hướng về Nhật Bản, Nguyễn Ái Quốc quyết định sang phương Tây, đến nước Pháp để tìm hiểu xem “nước Pháp và các nước khác làm thế nào rồi quay về giúp đồng bào mình”. Trong nhiều năm sau đó Người đã đi qua nhiều nước khác nhau Ở các đại lục Á, Âu, Phi, Mĩ đã phải làm nhiều nghề rửa bát, dọn tàu, quét rác để sống và học tập. Nhờ đó Người hiểu rằng “ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo và độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức và bị bóc lột dã man”

(Đại Cương Lịch Sử Việt Nam, NXBGD, Tập 2, tr242-243)

- a) Đoạn tư liệu trên nói về hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.
- b) Đây là quá trình Người hiểu được chân lý bạn thù.
- c) Điểm giống nhau trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành và các sĩ phu yêu nước tiền bộ đầu thế kỉ XX là đều có tư tưởng hướng ra nước ngoài để tìm cách cứu nước.
- d) Điểm giống nhau trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành và các sĩ phu yêu nước tiền bộ đầu thế kỉ XX là đều có quá trình khảo sát thực tiễn ở các nước phương Tây.

BÀI 15

HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

A. LÝ THUYẾT

1. Hành trình đi tìm đường cứu nước (1911 - 1920)

- Từ 1911 - 1917, Nguyễn Tất Thành đi qua nhiều châu lục, làm nhiều công việc để vừa kiếm sống, vừa tìm hiểu thực tiễn. Từ các cuộc hành trình, Nguyễn Tất Thành đã đúc kết được nhiều bài học và đi đến nhận định: “Ở đâu chủ nghĩa thực dân đế quốc cũng tàn bạo, ở đâu những người lao động cũng bị áp bức cùng cực”.
- Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp hoạt động. Năm 1919, Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam đòi quyền lợi cho người dân An Nam.
- Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin đăng trên báo Nhân đạo, tìm thấy con đường cứu nước – con đường cách mạng vô sản, góp phần giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối trong phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

2. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ *Chuẩn bị về mặt tư tưởng, chính trị.*

- Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể ở một nước thuộc địa; xây dựng lí luận cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp giải phóng giai cấp cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nội dung của lí luận cách mạng giải phóng dân tộc do Nguyễn Ái Quốc xây dựng về sau được thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).
- Chủ nhiệm, kiêm chủ bút báo Người cùng khổ (1922) và viết bài cho các báo, tạp chí (Nhân đạo, Đời sống công nhân, Sự thật, Cộng sản, Thư tín Quốc tế,..); viết tác phẩm Bản án chế độ

thực dân Pháp (1925); sáng lập báo Thanh Niên (6-1925); mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng tại Trung Quốc (1925 - 1927)

+ *Chuẩn bị về tổ chức:*

- “Xây dựng mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới: hoạt động trong Đảng Cộng sản Pháp, thành lập Hội liên hiệp thuộc địa (1921), hoạt động ở Liên Xô và Quốc tế Cộng sản (1923 - 1924), cùng với một số nhà yêu nước các nước thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông (1925),...

- Tìm hiểu và tập hợp thanh niên trí thức yêu nước ở hải ngoại để thành lập các tổ chức tiền thân của Đảng: Thanh niên Cộng sản đoàn (2-1925) và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925).

♦ Ý nghĩa: chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.

b. Triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Hoàn cảnh.

- Cuối 1929, ba tổ chức cộng sản ra đời, hoạt động riêng rẽ, làm ảnh hưởng đến tâm lý quần chúng và sự phát triển chung của phong trào cách mạng nước ta.

- Yêu cầu thống nhất 3 tổ chức CS được đặt ra bức thiết

- Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm về Trung Quốc, triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức CS thành 1 đảng duy nhất

- Hội nghị diễn ra tại Cửu Long (Hồng Công) bắt đầu từ ngày 6-1-1930.

+ Nội dung hội nghị

- Nguyễn Ái Quốc phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản riêng lẻ và nêu chương trình hội nghị...

- Hội nghị nhất trí hợp nhất 3 tổ chức Cộng sản thành một Đảng duy nhất, lấy tên Đảng Cộng sản VN.

- Thông qua Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đây là bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

→ Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản mang tầm vóc lịch sử như một Đại hội thành lập Đảng.

- Đại hội Đảng lần III (9-1960) quyết định lấy ngày 3-2 hằng năm làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

c. Ý nghĩa việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đảng cộng sản VN ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp.

- Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở VN.

- Là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng VN vì:

+ Đảng trở thành chính đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng VN.

+ Từ đây cách mạng VN có đường lối đúng đắn, khoa học, sáng tạo...

+ Cách mạng VN trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới

+ Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử tiến hóa của cách mạng VN.

3. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945.

a. Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, thành lập Việt Minh.

+ Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương lần thứ 8.

- Hoàn cảnh

- Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

- Từ ngày 10 đến 19-5-1941, Người chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng)

- Hội nghị xác định: - Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt: là giải phóng dân tộc - Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay bằng khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, thành lập Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... - Xác định hình thái khởi nghĩa: đi từ khởi nghĩa từng phần lên Tổng khởi nghĩa, coi chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm...

- Ý nghĩa: Hội nghị lần thứ 8 đã hoàn chỉnh chủ trương được đề ra từ Hội nghị tháng 11- 1939, nhằm giải quyết mục tiêu số một là độc lập dân tộc.

+ Thành lập Việt Minh.

- Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, Nguyễn Ái Quốc đề nghị thành lập mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh ngày 19/05/1941) nhằm thực hiện hai điều:

1. Làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.

2. Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do.

- Ý nghĩa thành lập Mặt trận Việt Minh.

+ Hiệu triệu nhân dân, thức tỉnh tinh thần dân tộc, tập hợp đoàn kết các lực lượng trong xã hội vào nhiệm vụ cứu nước, giải phóng dân tộc.

+ Đẩy mạnh công tác chuẩn bị trực tiếp về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.

+ Mặt trận Việt Minh là tổ chức tập hợp lực lượng chính trị hung hậu, đóng vai trò nòng cốt, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng tháng Tám.

- Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng:

+ Sau khi trở về nước (1941), Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi thí điểm để xây dựng căn cứ địa đầu tiên của cách mạng, sau đó nhân rộng ra các địa bàn khác.

+ Tháng 6-1945, Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, chọn Tân Trào làm thủ đô của Khu giải phóng.

b. Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

+ Trong việc xây dựng lực lượng vũ trang. Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ngày 22/12/1944, do Võ Nguyên Giáp làm đại đội trưởng. Sau khi thành lập đánh thắng hai trận Phay Khắt và Nà Ngàn ở Cao Bằng.

+ Tháng 5-1945, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân hợp nhất với Việt Nam Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân, trở thành lực lượng xung kích, hỗ trợ cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công.

c. Lãnh đạo Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

- Thực hiện các hoạt động đối ngoại, đưa đến sự hợp tác, hỗ trợ của Đồng minh đối với cách mạng Việt Nam: Từ năm 1945, với vai trò vận động tích cực của Hồ Chí Minh, lực lượng của

Mỹ ở Côn Minh (Trung Quốc) đã hợp tác cùng Mặt trận Việt Minh và hỗ trợ Việt Minh trên nhiều lĩnh vực.

- Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà:

- + Từ ngày 13-8-1945, Hồ Chí Minh cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã tận dụng thời cơ, phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước và lãnh đạo toàn dân đứng lên giành chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương.

- + Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

4. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ năm 1954 đến năm 1969.

a. Giai đoạn 1945-1946

- Ngay sau cách mạng tháng Tám 1945 thành công, đất nước trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn đối sách đúng đắn giải quyết kịp thời đưa đất nước vượt qua khó khăn thử thách:

- + Thực hiện nhiệm vụ cơ bản đầu tiên là xây dựng chính quyền non trẻ, giải quyết nạn đói, nạn dốt và chống thù trong giặc ngoài.

- + Thành lập Hội Liên Hiệp quốc dân Việt Nam 5/1946 nhằm mở rộng khối đoàn kết.

- + Người chủ động thiết lập mối liên hệ và tranh thủ sự ủng hộ của Liên Hợp Quốc và các nước Đồng Minh về nền độc lập của Việt Nam.

- + Thực hiện chính sách “hòa để tiến” ký với Pháp Hiệp định Sơ Bộ (6/3/1946) VÀ Tạm ước (14/09/1946) nhằm tranh thủ thời gian hòa hoãn chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

b. Giai đoạn 1946-1954

- + Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

- + Trong những năm 1946 - 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã hoạch định đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp: Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

- + Năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương, điều chỉnh và bổ sung đường lối cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

- + Trong những năm kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đẩy mạnh hoạt động ngoại giao với nhân dân Pháp tiến bộ, với các nước Đông Dương, chủ động thiết lập và mở rộng quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô, các nước Đông Âu nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bên ngoài đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

- + Chủ tịch Hồ Chí Minh còn tham gia họp bản và chỉ đạo các chiến dịch quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tiêu biểu là các chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947), Biên giới thu - đông (1950), đặc biệt là cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

- Là người lãnh đạo cao nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi (1954).

c. Giai đoạn 1954-1969

- Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh có những đóng góp to lớn đối với việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở mỗi miền Nam - Bắc và nhiệm vụ chung của cả nước.

+ Đối với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960). Nghị quyết nêu rõ: Đại hội này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

+ Đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1959), xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Từ năm 1965, khi Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng phân tích tình hình, chỉ đạo toàn dân đánh Mỹ, đưa ra dự báo và thể hiện quyết tâm thắng Mỹ.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh thời đại, có vai trò to lớn về hoạt động ngoại giao.

- Trong các chuyến thăm nước ngoài (Trung Quốc, Liên Xô, Cộng hòa Dân chủ Đức,...), Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước và bạn bè quốc tế, đồng thời giữ vững đường lối độc lập tự chủ của cách mạng Việt Nam.

- Để nhân dân thế giới hiểu rõ và đồng tình ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân vạch trần tội ác chiến tranh của Mỹ trên cả hai miền Nam - Bắc, đón tiếp bạn bè quốc tế phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, trong đó có nhân sĩ trí thức Mỹ.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Cơ quan chuyên môn nào của tổ chức Liên hợp quốc đã đưa ra Nghị quyết số 24C/18.25 ghi nhận: Năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỷ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam và kêu gọi các nước thành viên tổ chức các hoạt động cụ thể để tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

A. Tổ chức hiệp hội văn hóa Liên hợp quốc.

B. Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục

C. Tổ chức khoa học và giáo dục

D. Tổ chức phụ trách văn hóa và danh nhân.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ yếu để nhân dân thế giới tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh?

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới.

B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập và rèn luyện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích cực và lãnh đạo tham gia phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo và thúc đẩy đoàn kết giữa nhân dân các nước thuộc địa trong phong trào cách mạng thuộc thế giới thứ ba.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** là nguyên nhân chủ yếu để nhân dân thế giới tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh?

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới.

B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích cực và lãnh đạo tham gia phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thúc đẩy tinh thần đoàn kết giữa nhân dân các nước thuộc địa trong phong trào cách mạng thuộc thế giới thứ ba.

Câu 4. Để tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều nước trên thế giới đã có những việc làm nào sau đây?

A. Lấy hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh in trên đồng tiền của nước mình.

B. Lấy ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm một ngày lễ lớn trong năm.

C. Lấy tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt tên cho các đại lộ, trường học.

D. Lấy tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt tên cho một tỉnh, thành phố.

Câu 5. Danh từ phổ biến nhất mà nhân dân Việt Nam thường gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là

A. Bác Hồ.

B. Hồ Chủ tịch.

C. Cụ Hồ

D. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 6. Đây là tác phẩm có ý nghĩa quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho Đảng ta bài học lý luận và thực tiễn sâu sắc trong công tác lãnh đạo của một Đảng cầm quyền. Đó là tác phẩm nào?

A. Di chúc.

B. Toàn quốc kháng chiến.

C. Nhật ký trong tù

D. Đời sống mới.

Câu 7. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, theo nguyện vọng của nhân dân cả nước, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định?

A. Bảo quản lâu dài thi hài của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Xây dựng các bảo tàng mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Chuyển thi hài của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Liên Xô để bảo quản.

Câu 8. Tác phẩm Bác Hồ với thiếu nhi là của nghệ sĩ nào?

A. Chế Lan Viên.

B. Tố Hữu.

C. Sơn Tùng.

D. Diệp Minh Châu.

Câu 9. Bắt đầu từ năm 1996, cứ 4 năm 1 lần các công trình nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, những công trình giáo dục và văn học, nghệ thuật đặc biệt xuất sắc sẽ được trao giải. Nội dung trên đang nói về giải thưởng nào của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam?

A. Giải thưởng Sao Vàng.

B. Giải thưởng Hồ Chí Minh.

C. Giải thưởng Bông Sen vàng.

D. Giải thưởng Cánh Diều vàng.

Câu 10. Để lan tỏa những giá trị tích cực về tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đời sống các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước. Năm 2006, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát động cuộc vận động nào sau đây?

A. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

B. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

C. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

D. Học tập suốt đời theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại

Câu 11. Trong điều kiện nước nhà đang bị thực dân Pháp đô hộ và khi tiếp xúc được với các giá trị văn minh phương Tây về quyền con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có đóng góp nào sau đây?

A. Tiếp thu các giá trị văn minh phương Tây để đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

B. Học hỏi kinh nghiệm từ các cuộc cách mạng tư sản về quyền con người để đề ra đường lối đấu tranh.

C. Phát triển các quyền con người được nêu trong bản tuyên ngôn của các cuộc cách mạng tư sản thành quyền của mỗi dân tộc đang bị đô hộ.

D. Tiếp thu học thuyết cách mạng từ các cuộc cách mạng tư sản để đề ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam đang bị thực dân Pháp đô hộ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chứng kiến cảnh nước nhà bị ngoại bang đô hộ, Nguyễn Tất Thành đã có một khát vọng tìm đường cứu nước. Ngày 3/6/1911, Nguyễn Tất Thành được nhận vào làm phụ bếp trên tàu Đô đốc Latouche Tréville và ngày 5/6/1911, với tên mới Văn Ba, người thanh niên đó đã theo tàu rời nước ra đi. Người đã đi đến nhiều nơi trên thế giới và nhận ra nguồn gốc của khổ đau là sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản đối với nhân lao động trên toàn thế giới. Trong suốt hành trình ấy, Người phải tự làm để nuôi sống bản thân bằng nhiều nghề khác nhau: quét tuyết, bồi bàn, phụ bếp... nhưng với ý chí và nghị lực cháy bỏng về nền độc lập cho nước nhà nên Người đã vượt qua tất cả. Dù vất vả, khó khăn để mưu sinh nhưng bản thân Người vẫn tự học để tiếp thu văn hóa của nhân loại. Khi thời cơ tới, một ngày mùa xuân năm 1941, Người đặt chân về đất Hà Quảng – Cao Bằng tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn để thực hiện mong muốn: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”*.

Trần Văn Phương (2023), *52 câu chuyện dưới cờ*, Nxb Trẻ, Tr.52

a. Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước khi đất nước đang bị thực dân Pháp xâm lược.

b. Những giá trị văn hóa tiên tiến đã được Nguyễn Tất Thành tiếp thu trong hành trình cứu nước là nền tảng cơ bản để tạo nên tư tưởng Hồ Chí Minh sau này.

c. Hành trình cứu nước gần 30 năm của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định Người đã có quá trình công hiến vĩ đại cho dân tộc Việt Nam.

d. “*...Ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là thể hiện mong muốn nhân dân Việt Nam được hưởng các quyền dân tộc cơ bản giống như các nước khác trên thế giới.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Con người Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh đã đến với cách mạng Việt Nam, với Đảng và dân tộc ta từ rất sớm, nhất là từ sau khi nước nhà giành được độc lập (năm 1945). Vị trí và vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đã được xác định từ lâu. Từ đời mới đến nay, rõ nhất là trong hai bản Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991 và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) của Đảng ghi rõ: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành

động”. Lấy tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng của Đảng đã hàm ý rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là một học thuyết cách mạng, chứ không đơn thuần là tập hợp những ý tưởng, những suy nghĩ cụ thể, riêng lẻ.”

Trích Hà Đăng, Tư tưởng Hồ Chí Minh - một học thuyết cách mạng vô giá của Việt Nam, Trang thông tin điện tử Ban tuyên giáo tỉnh Thanh Hóa, ngày 06/4/2022.

a. Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được nghiên cứu, bổ sung và chính thức được đề cập trong Cương lĩnh năm 1991 về xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b. Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh là tập hợp và được thể hiện rõ nhất trong các tác phẩm nổi tiếng của Người như: Toàn quốc kháng chiến, Xây dựng Đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân; Đời sống mới; Di chúc....

c. Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện rõ nhất trong sự nghiệp cách mạng hiện nay là Đảng ta đã lấy tư tưởng của Người làm nền tảng tư tưởng của Đảng.

d. Nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở để Đảng ta xây dựng đường lối cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Ngôi nhà số 9 ngõ Compont, thuộc quận 17 là một ngôi nhà cũ kỹ với những gian phòng nhỏ nằm trong ngõ cụt thuộc một khu phố nghèo ở Paris, trong những năm này việc thấp sáng vẫn phải bằng đèn dầu. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc làm nghề vẽ thuê trên quạt giấy, chụp đèn và vẽ đồ giả cổ Trung Hoa. Cuộc sống tuy cực nhọc, thiếu thốn nhưng anh vẫn hăng say nghiên cứu, học tập, viết nhiều bài báo đăng ở các báo tiến bộ của Pháp như: La Vie Ourviere (Đời sống thợ thuyền); L’humanite’ (Nhân đạo); Le Populaire (Dân chúng). Anh cũng tham gia các buổi sinh hoạt chính trị, ngoại khóa trong các hiệp hội văn hóa và câu lạc bộ rất đều đặn để có điều kiện thâm nhập thực tế đời sống thợ thuyền, tăng cường hiểu biết. Tại đây, sau khi tập hợp các bạn cùng chí hướng thống nhất thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, tháng 4/1922, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí chủ trương xuất bản tờ báo của Hội mang tên La Paria (Người cùng khổ). Báo Người cùng khổ lên án chủ nghĩa đế quốc bằng những lập luận vững chắc, chứng cứ cụ thể dưới nhiều hình thức và có tiếng vang trong đời sống chính trị ở Paris lúc bấy giờ.

Cuối năm 1986, thành phố Paris có kế hoạch phá bỏ những tòa nhà cũ kỹ để xây dựng lại, trong đó có ngôi nhà số 9 ngõ Compont. Lúc đó, Đảng Cộng sản Pháp đã cùng Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp bàn cách giữ gìn di tích quan trọng này. Cuối cùng, hai bên quyết định căn phòng lưu niệm sẽ phục chế tại Bảo tàng Lịch sử sống Montreuil với những chi tiết nguyên bản (hiện vật gốc) tháo dỡ từ căn phòng trong Ngôi nhà số 9 Compont.

Nơi đây có tên “Không gian Hồ Chí Minh” dành riêng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nơi lưu giữ nguyên vẹn kỷ vật của Người ở đây. Ngày 19/5/2005, nhân dịp ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lễ đặt tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công viên Montreuil, bên cạnh Bảo tàng Lịch sử sống Montreuil đã được tổ chức trọng thể

Trích Trần Duy Hưng, Căn gác nhỏ nhà số 9 ngõ Compont, địa chỉ đỏ trên hành trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trang điện tử Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 02/6/2021

a. Ngôi nhà số 9 ngõ Compont, thủ đô Pari (Pháp) hiện nay là một địa điểm xây dựng công trình lưu niệm về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ở Pháp.

- b.** Trong thời gian hoạt động ở Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với bạn bè quốc tế đã đoàn kết đấu tranh vì quyền lợi của dân tộc các nước thuộc địa.
- c.** Nhân dịp kỉ niệm 110 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lễ đặt tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công viên Montreuil đã được tổ chức trọng thể.
- d.** Bạn bè và nhân dân Pháp tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua việc dựng tượng và xây dựng bảo tàng “Không gian Hồ Chí Minh”.

BÀI 16

DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

A. LÝ THUYẾT

1. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới.

- Ngày 20-11-1987, UNESCO đã tôn vinh "Hồ Chí Minh- Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam.
- Hồ Chí Minh là người đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc và lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành được độc lập dân tộc; Người là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới.
- Hồ Chí Minh hội tụ tinh hoa, giá trị văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây; những tư tưởng của Người mang tầm vóc vĩ nhân của thời đại.
- Nhiều nơi trên thế giới xây dựng nhà lưu niệm, khu tưởng niệm, đài kỉ niệm, bia tưởng niệm Hồ Chí Minh.

2. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam.

- Hồ Chí Minh đã hiến trọn đời mình cho dân tộc.
- Người đã đặt ra những cơ sở đảm bảo và chỉ dẫn, soi đường cho quá trình "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh..."
- Người để lại di sản quý báu là bản Di chúc, cùng tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.
- Toàn dân Việt Nam kính trọng, luôn luôn học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng.
- Thành phố Sài Gòn-Gia Định được đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cả nước có gần 700 di tích, nhà lưu niệm ở các tỉnh thành ghi dấu ấn cuộc đời và sự nghiệp của Người.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Trắc nghiệm (chọn đáp án duy nhất đúng)

Câu 1. Tổ chức UNESCO thông qua Nghị quyết về kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thời điểm nào sau đây?

- A. 1969. B. 1980 C. 1987 D. 1990.

Câu 2. Tổ chức UNESCO tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc vì lý do nào sau đây?

- A. Hồ Chí Minh trực tiếp đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc toàn thế giới.
 B. Hồ Chí Minh góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì độc lập tiến bộ.

- C. Hồ Chí Minh đại diện cho phong trào giải phóng dân tộc toàn châu Á.
- D. Hồ Chí Minh chỉ đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.

Câu 3. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng lí do UNESCO tôn vinh Hồ Chí Minh là Danh nhân văn hóa thế giới?

- A. Hồ Chí Minh có đóng góp nhiều mặt về văn hóa, giáo dục, nghệ thuật.
- B. Hồ Chí Minh đại diện cho khát vọng khẳng định bản sắc văn hóa của các dân tộc.
- C. Những đóng góp của Hồ Chí Minh là kết tinh truyền thống văn hóa của Việt Nam.
- D. Những đóng góp của Hồ Chí Minh ảnh hưởng trực tiếp đến nền văn hóa mọi quốc gia.

Câu 4. Nhân dân thế giới đánh giá cao và tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vì lí do nào sau đây?

- A. Hồ Chí Minh có những đóng góp riêng trong lĩnh vực văn hóa.
- B. Hồ Chí Minh có những đóng góp riêng trong lĩnh vực quân sự.
- C. Hồ Chí Minh tiêu biểu cho ý chí và khát vọng độc lập của nhân loại.
- D. Hồ Chí Minh tham gia vào sự nghiệp giáo dục nhiều quốc gia.

Câu 5. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, thể theo nguyện vọng của nhân dân cả nước, công trình nào sau đây đã được xây dựng?

- A. Đường Hồ Chí Minh trên bộ.
- B. Đường Hồ Chí Minh trên biển.
- C. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- D. Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 6. Năm 1976, Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất đã quyết định lấy tên Bác Hồ để đặt cho thành phố nào sau đây?

- A. Sài Gòn - Gia Định.
- B. Phước Long.
- C. Chợ Lớn.
- D. Định Tường.

Câu 7. Di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho nhân dân Việt Nam được hiểu bao gồm những yếu tố nào sau đây?

- A. Tư tưởng.
- B. Đạo đức.
- C. Phong cách.
- D. Tất cả các yếu tố trên.

Câu 8. Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh lần đầu được Bộ Chính trị phát động vào thời điểm nào?

- A. 1969.
- B. 1975.
- C. 2000.
- D. 2006.

Câu 9. Hình thức nào sau đây không phải là sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Nhiều bảo tàng, nhà lưu niệm, đền thờ được xây dựng mang tên Hồ Chí Minh.
- B. Nhiều trường học, đường phố mang tên Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc.
- C. Hồ Chí Minh trở thành nguồn cảm hứng sáng tác trong văn học.
- D. Hồ Chí Minh tiếp tục được nghiên cứu bởi giới sử học quốc tế.

Câu 10. Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam vì đã

- A. công hiến và hi sinh cả cuộc đời cho dân tộc Việt Nam.
- B. để lại di sản to lớn trên lĩnh vực khoa học-kỹ thuật.
- C. để lại di sản to lớn trên lĩnh vực văn học và khoa học.
- D. huy động mọi nguồn lực để giúp đỡ người dân Việt Nam.

II. Trắc nghiệm Đúng/Sai (đọc tư liệu, thông tin... chọn các câu Đúng (Đ) hoặc Sai (S))

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

" Ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.

Nhận thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc của sự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nhận thấy sự đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật chính là sự kết tinh của truyền thống hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân cho khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hóa của mình và thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau".

(Trích: Nghị quyết số 24C/18.65, cuộc họp của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 ở Pa-ri, từ ngày 20-10 đến ngày 20-11-1987)

- a. Nghị quyết thể hiện sự ghi nhận và đánh giá cao của UNESCO đối với Hồ Chí Minh.
- b. Nghị quyết thể hiện quan điểm của mọi cá nhân và tổ chức trên thế giới về Hồ Chí Minh.
- c. Nghị quyết cho thấy Hồ Chí Minh có những cống hiến lớn về chính trị và những đóng góp quan trọng về văn hóa, giáo dục, nghệ thuật.
- d. Nghị quyết khẳng định Hồ Chí Minh đại diện cho xu thế hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

" Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta một di sản vô giá về tư tưởng, đạo đức và tác phong. Chúng ta phải ra sức nghiên cứu, học tập để vận dụng đầy đủ trong việc định hướng ra đường lối, chính sách của Đảng, trong hoạt động của Nhà nước, trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân".

(Trường Chinh, *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, NXB Thông tin lí luận, 1991, tr.191)

- a. Di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại là vô giá nhưng chỉ đáp ứng thực tiễn lịch sử khi chúng ta tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc chứ không phải đến ngày nay.
- b. Đường lối, chính sách của Đảng phải luôn lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng.
- c. Việc học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chỉ dành riêng cho cán bộ, đảng viên.
- d. Đến nay, cuộc vận động "đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" đang được lan tỏa đến các thế hệ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

HẾT